

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13677/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2024

V/v lấy ý kiến thẩm định dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Ngày 29/11/2024, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 8, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đăng tải dự thảo trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

Trên cơ sở tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định và hồ sơ lấy ý kiến thẩm định dự thảo Nghị định (kèm theo).

Theo quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Bộ Tài chính gửi tới Bộ Tư pháp hồ sơ dự thảo Nghị định nêu trên. Đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định và gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) để tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành.

Mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan./. *Truel*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/cáo);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, QLCS. (5) *✓*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Văn Kháng

Số: 352/TT-BTC

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (Phục vụ lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 8, căn cứ Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là dự thảo Nghị định). Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ những vấn đề cơ bản của dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 29 tháng 11 năm 2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Trong đó, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 về: thẩm quyền quyết định giao, mua sắm, thuê, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công; hình thức xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ thanh lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ; thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Vì vậy, để triển khai các nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu quả, kịp thời và đồng bộ, việc sửa đổi, bổ sung các nội dung được quy định chi tiết tại các Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công để phù hợp với các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung là cần thiết.

II. VỀ QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã chủ động xây dựng dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công gửi kèm

theo hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính trình Quốc hội. Song song với việc hoàn thiện Luật, Bộ Tài chính đã có Công văn số 12750/BTC-QLCS ngày 22/11/2024 gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

Ngày tháng năm 2024, dự thảo Nghị định đã được Hội đồng tư vấn thẩm định do Bộ Tư pháp chủ trì họp thẩm định, cho ý kiến và Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số /BC-BTP ngày //2024. Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, chỉnh lý dự thảo Nghị định.

III. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung tại các Nghị định hiện hành để phù hợp với các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15; đồng thời, rà soát quá trình áp dụng để hoàn thiện các quy định để giải quyết các vướng mắc trong thực tiễn.

2. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công, cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

IV. KẾT CẤU CỦA NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định kết cấu gồm 04 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024) của Chính phủ.

Điều 2. Thay thế, bổ sung một số cụm từ tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024) của Chính phủ.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Điều 4. Hiệu lực thi hành.

V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Sửa đổi, bổ sung quy định về khai thác, xử lý tài sản có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền (Điều 19)

Tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi là Luật số 56/2024/QH15) đã bổ sung 02 hình thức xử lý tài sản công sau khi có quyết định thu hồi gồm: (i) Giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật về

đất đai; (ii) Giao tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương để quản lý, khai thác theo quy định của Chính phủ. Vì vậy, tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định hướng dẫn thực hiện đối với 02 hình thức nêu trên để làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện.

2. Sửa đổi quy định về bán tài sản công (Điều 23, Điều 24): Tại Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi quy định về bán tài sản công, theo đó, hình thức bán không được áp dụng đối với tài sản là đất, nhà, tài sản gắn liền với đất. Vì vậy, tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi quy định về bán tài sản công theo hướng bỏ các nội dung quy định về xác định giá khởi điểm, nộp tiền bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

3. Sửa đổi quy định về thanh lý tài sản công (Điều 29, Điều 30): Tại Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi quy định về xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ thanh lý tài sản công theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ. Vì vậy, tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi các quy định có liên quan để phù hợp với nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15 theo hướng dẫn chi tiết thực hiện theo quy định về xử lý vật tư, vật liệu thu hồi tại Điều 10a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP); theo đó: (i) Vật tư, vật liệu thu hồi được không sử dụng được thì hủy bỏ; (ii) Vật tư, vật liệu thu hồi được thì cơ quan nhà nước được giữ lại tiếp tục sử dụng nếu có nhu cầu; điều chuyển; bán. Đồng thời, hướng dẫn cách xác định giá trị, theo dõi trong trường hợp giữ lại, điều chuyển, bán.

4. Sửa đổi, bổ sung quy định về chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý (Điều 35a) để bảo đảm đồng bộ, phù hợp với quy định của pháp luật về nhà ở đối với các trường hợp nhà ở thuộc tài sản công được chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; bổ sung nội dung hướng dẫn xử lý đối với tài sản gắn liền với đất khi chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý khi Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai để đồng bộ với quy định của pháp luật về đất đai.

5. Sửa đổi, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (Điều 44) để phù hợp với nội dung sửa đổi về thẩm quyền phê duyệt Đề án tại Luật số 56/2024/QH15.

6. Bổ sung cụm từ "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam" vào trước cụm từ "tổ chức chính trị - xã hội" tại khoản 5 Điều 2, khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 20, Điều 56, khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 114, khoản 1 Điều 119 để thống nhất thực hiện chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội theo nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15.

7. Sửa đổi, bổ sung các quy định về thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công (Điều 3, 3a, 4, 4a, 17, 20, 22, 28, 32, 34, 37, 37a, 38, 40, 41c, 51 và 92) để phù hợp với quy định tại Luật số 56/2024/QH15 và thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền của Đảng, Nhà nước.

8. Đồng thời, Bộ Tài chính đã rà soát các quy định hiện hành để hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, cụ thể:

+ Sửa đổi quy định về cơ quan làm chủ tài khoản tạm giữ để quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương theo hướng bộ, cơ quan trung ương giao cơ quan, đơn vị của bộ, cơ quan trung ương làm chủ tài khoản tạm giữ (thay vì bắt buộc phải là cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công như hiện nay) do trong thực tế có một số cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công của bộ, cơ quan trung ương không đủ điều kiện để mở tài khoản tạm giữ theo quy định của pháp luật về tài khoản tạm giữ.

+ Bổ sung quy định về việc phá dỡ các công trình xây dựng tạm thời sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

+ Giao Bộ Tài chính hướng dẫn việc lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết khi sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết để triển khai thực hiện thống nhất.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý, khai thác kho số viễn thông để phù hợp với quy định của Luật Viễn thông năm 2023.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để phù hợp với thực tiễn một số đơn vị sự nghiệp công lập không có quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để tương ứng với quy định về việc nộp quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp quy định tại Luật số 56/2024/QH15.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý, sử dụng tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp để tránh các cách hiểu khác nhau trong thực tiễn.

9. Ngoài ra, sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 15/01/2024 của Chính phủ quy định việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam về chuyển giao công trình điện được xác lập quyền sở hữu toàn dân để làm rõ thẩm quyền quyết định xác lập sở hữu toàn dân, phù hợp với quy định tại Luật số 56/2024/QH15.

VI. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; VIỆC LÔNG GHEP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

— Dự thảo Nghị định không quy định thủ tục hành chính thuộc phạm vi phải kiểm soát thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ; không có quy định phân biệt về giới.

VI. BẢO ĐẢM NGUỒN LỰC THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH

Nghị định này chủ yếu quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục để thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Vì vậy; kinh phí thực hiện Nghị định chủ yếu là kinh phí để thực hiện việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công thực tế hiện nay các cơ quan, tổ chức, đơn vị đang thực hiện và nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị định

được sử dụng trong phạm vi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, nguồn kinh phí hợp pháp khác được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị và nguồn kinh phí thu được từ việc xử lý tài sản; không làm phát sinh tăng chi từ ngân sách nhà nước.

VII. VỀ Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

Theo quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã có Công văn số 12750/BTC-QLCS ngày 22/11/2024 gửi lấy ý kiến chính thức bằng văn bản của các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại công nghiệp Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đồng thời, đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Trang thông tin về tài sản nhà nước để lấy ý kiến rộng rãi. Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến bằng văn bản của 16 Bộ, cơ quan trung ương, 50 địa phương.

Về cơ bản các ý kiến tham gia đều thống nhất với sự cần thiết ban hành Nghị định và nội dung của dự thảo Nghị định. Các ý kiến tham gia bổ sung đã được Bộ Tài chính tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ và hoàn thiện dự thảo Nghị định (Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương - đính kèm).

* *
*

Các hồ sơ kèm theo Tờ trình này gồm:

- (1) Dự thảo Nghị định sau khi hoàn thiện, chỉnh lý.
- (2) Bản thuyết minh chi tiết dự thảo Nghị định.
- (3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương kèm theo bản chụp ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.
- (4) Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính.
- (5) Báo cáo đánh giá tác động chính sách.
- (6) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định.

Kính trình Chính phủ xem xét, ban hành. / *Trần*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, QLCS.(S) ✓

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



BÁO CÁO**Đánh giá tác động chính sách trong dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết một số điều của
Luật Quản lý, sử dụng tài sản công**

Kính gửi: Bộ Tư pháp

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Chính phủ đã ban hành các Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017.

Ngày 29/11/2024, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính. Trong đó, sửa đổi, bổ sung các quy định về thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công, thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, hình thức xử lý tài sản.

Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai thực hiện có phát sinh một số nội dung vướng mắc cần được làm rõ hoặc điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại các Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017 để phù hợp với nội dung của Luật số 56/2024/QH15 và tình hình thực tiễn.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Tăng cường phân cấp, phân quyền cho các bộ, cơ quan trung ương, chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Giải quyết các vướng mắc phát sinh trong thực tế thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong việc mua sắm, thuê, xử lý, khai thác tài sản công.

* Tác động về giới: Giải pháp không có tác động về giới.

* Tác động của thủ tục hành chính:

- Tác động tích cực: Cắt giảm thủ tục hành chính do không phải báo cáo/xin ý kiến nhiều cấp trước khi quyết định xử lý tài sản.

- Tác động tiêu cực: Giải pháp không có các tác động mang tính tiêu cực.

1.4. Kiến nghị và kết luận:

Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo phương án 2.

2. Hoàn thiện quy định về xử lý tài sản trên đất đối với tài sản đã có quyết định thu hồi, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý khi thực hiện xử lý theo hình thức giao đất, cho thuê đất theo pháp luật về đất đai

2.1. Xác định vấn đề:

Tại Luật số 56/2024/QH15 quy định bổ sung hình thức xử lý tài sản đã có Quyết định thu hồi là giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác. Theo đó, sau khi được tiếp nhận nhà, đất, tổ chức phát triển quỹ đất có thể báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Bên cạnh đó, tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP có quy định về việc xử lý tài sản sau khi chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì có thể được xử lý theo hình thức giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc giao cho tổ chức phát triển quỹ đất để quản lý, khai thác.

Tuy nhiên, quy định của pháp luật về đất đai hiện hành không có quy định về xử lý tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp này, dẫn đến các đơn vị lúng túng trong thực hiện.

2.2. Mục tiêu xây dựng chính sách:

Xây dựng cơ sở pháp lý để làm căn cứ cho các cơ quan chức năng của địa phương thực hiện việc xử lý tài sản gắn liền với đất để giao đất, cho thuê đất, tăng hiệu quả sử dụng đất đai, huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

2.3. Các phương án để lựa chọn và đánh giá tác động của phương án:

Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện hành

- Tác động tích cực: Không có.

- Tác động tiêu cực: Không có quy định cụ thể để xử lý tài sản gắn liền với đất khi giao đất, cho thuê đất đối với nhà, đất, có nguồn gốc là tài sản công bị thu hồi hoặc chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý.

Phương án 2: Bổ sung quy định xử lý đối với tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với nhà, đất có nguồn gốc là tài sản công bị thu hồi hoặc chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý

* Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tác động tích cực: Quy định bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Nội dung giải pháp không thuộc nội dung các điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên.

- Tác động tiêu cực: Giải pháp không có các tác động mang tính tiêu cực.

* Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tích cực: Tạo cơ sở cho các địa phương thực hiện xử lý nhà, đất có nguồn gốc là tài sản công bị thu hồi hoặc chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

* Tác động tiêu cực: Giải pháp không có các tác động mang tính tiêu cực.

* Tác động về giới: Giải pháp không có tác động về giới.

* Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính.

2.4. Kiến nghị và kết luận:

Tài chính lựa chọn phương án 2 để xây dựng dự thảo Nghị định.

3. Hoàn thiện quy định về bán tài sản công

3.1. Xác định vấn đề:

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Chính phủ đã ban hành quy định chi tiết thi hành Luật, trong đó, quy định về trình tự, thủ tục quyết định bán tài sản, tổ chức thực hiện bán tài sản (bao gồm cả việc bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp).

Việc bán tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (đất, nhà, công trình gắn liền với đất) hiện nay đang được thực hiện đồng thời bán tài sản cùng với quyền sử dụng đất và thực hiện theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Tuy nhiên, việc chuyển quyền sử dụng đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất thuộc tài sản công) cũng cần được thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật về đất đai để bảo đảm sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, cách xác định và trình tự, thủ tục xác định giá đất,... để tập trung nguồn thu huy động cho ngân sách nhà nước. Vì vậy, tại Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi quy định về hình thức bán tài sản theo hướng không áp dụng hình thức bán đối với tài sản là đất, nhà, tài sản gắn liền với đất.

Từ cơ sở nêu trên, cần thiết phải hoàn thiện các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công để phù hợp với quy định tại Luật số 56/2024/QH15.

3.2. Mục tiêu xây dựng chính sách:

Hoàn thiện quy định về bán tài sản công để phù hợp với Luật số 56/2024/QH15.

3.3. Các phương án để lựa chọn và đánh giá tác động của phương án:

Phương án 1: Giữ như quy định hiện hành.

- Tác động tích cực: Không có.

- Tác động tiêu cực: Không phù hợp với quy định của Luật số 56/2024/QH15, gây vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Phương án 2: Hoàn thiện quy định về bán tài sản công theo hướng chi quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định bán, việc tổ chức bán, thu, nộp tiền thu được từ bán tài sản đối với các tài sản không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự Nghiệp.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tác động tích cực: Quy định bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Nội dung giải pháp không thuộc nội dung các điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên.

- Tác động tiêu cực: Giải pháp không có các tác động mang tính tiêu cực.

* Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tích cực: Giải pháp giúp cơ quan, tổ chức, đơn vị rõ ràng trong thực hiện, tránh gây lãng phí xã hội.

- Tác động tiêu cực: Giải pháp không có các tác động mang tính tiêu cực.

* Tác động về giới: Giải pháp không có tác động về giới.

* Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính.

3.4. Kiến nghị và kết luận:

Bộ Tài chính lựa chọn phương án 2 để xây dựng dự thảo Nghị định.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động chính sách của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. *leu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, QLCS.(5) ✓

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Bùi Văn Khang

BÁO CÁO

Rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Ngày 29/11/2024, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính. Căn cứ Danh mục và phân công xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là dự thảo Nghị định).

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính đã rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị định, kết quả cụ thể như sau:

I. CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH ĐƯỢC TIỀN HÀNH RÀ SOÁT

Các văn bản có liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công bao gồm:

1. Các luật có liên quan

- Luật Đất đai năm 2024;
- Luật Thủ đô năm 2024;
- Luật Nhà ở năm 2023;
- Luật Viên thông năm 2023;
- Luật Đấu thầu năm 2023;
- Luật Quản lý, bảo vệ các công trình quốc phòng và khu quân sự năm 2023;
- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020;

- Luật Đầu tư công 2019;
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019);
- Luật Giá tài sản năm 2016 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024),
- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;
- Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019);
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019);
- Luật Cơ yếu năm 2011.

2. Các Nghị định có liên quan

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;
- Nghị định 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;
- Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 và Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 quy định về sắp xếp lại, xử lý tài sản công;
- Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về công tác văn thư;
- Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định việc quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ;
- Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT VÀ ĐỀ XUẤT HƯỚNG XỬ LÝ

Các nội dung rà soát cụ thể liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, về cơ bản các quy định tại Nghị định hiện hành đã bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật được rà soát. Một số quy định chưa thống nhất và dự kiến hướng xử lý cụ thể như sau:

1. Quy định về xử lý đối với trường hợp bố trí sử dụng nhà ở thuộc tài sản công kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2007

a) Quy định tại văn bản quy phạm pháp luật có liên quan:

Khoản 3 Điều 125 Luật Nhà ở năm 2023 quy định: Các trường hợp bố trí sử dụng nhà ở thuộc tài sản công quy định tại điểm d khoản 1 Điều 13 của Luật này kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2007 thì quản lý, sử dụng theo quy định của luật này và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nếu Nhà nước không còn nhu cầu sử dụng thì thực hiện bán theo quy định về bán tài sản công của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Quy định tại văn bản hiện hành:

Tại Điều 35a quy định trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị không còn nhu cầu sử dụng thì được chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý. Đối với trường hợp xử lý theo chính sách nhà ở, đất ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

Chưa có quy định về việc xử lý đối với trường hợp bố trí sử dụng nhà ở thuộc tài sản công kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2007.

c) Đề xuất hướng xử lý:

Bổ sung quy định xử lý đối với các trường hợp nhà, đất là tài sản công đã bố trí làm nhà ở kể từ ngày 19/01/2007.

2. Quy định về quản lý, khai thác kho số viễn thông

a) Quy định tại văn bản quy phạm pháp luật có liên quan:

Điểm a khoản 2, điểm e khoản 4 Điều 50 Luật Viễn thông quy định:

- Đầu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông đối với mã mạng viễn thông di động mặt đất dùng phương thức giao tiếp giữa người với người, số thuê bao di động H2H, số dịch vụ tin nhắn ngắn, số dịch vụ giải đáp.

- Mã mạng di động H2H, số thuê bao di động H2H, số dịch vụ tin nhắn ngắn, số dịch vụ giải đáp thông tin sau 02 lần đầu giá không thành thì được phân bố trực tiếp cho tổ chức, doanh nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp tiền cấp quyền sử dụng bằng phí sử dụng 01 năm của mã, số đó và nộp phí sử dụng mã, số viễn thông theo định của pháp luật về phí và lệ phí.

b) Quy định tại văn bản hiện hành:

Tại Điều 105, Điều 106 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định:

"Điều 105. Kho số phục vụ quản lý nhà nước

1. Kho số viễn thông.
2. Kho số quản lý phương tiện giao thông vận tải.
3. Kho số khác phục vụ quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 106. Khai thác kho số phục vụ quản lý nhà nước

1. Thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.
2. Thu tiền cấp quyền lựa chọn sử dụng kho số phục vụ quản lý nhà nước theo quy định tại Điều 107 Nghị định này.
3. Hình thức khác khai thác kho số phục vụ quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật."

c) Đề xuất hướng xử lý

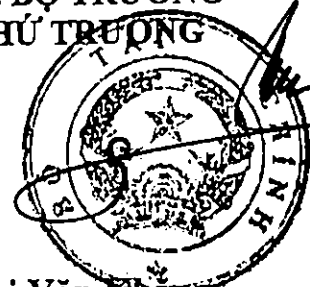
Bổ sung quy định về hình thức khai thác đối với kho số viễn thông theo quy định của Luật Viễn thông.

Trên đây là Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, QLCS. (5)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Văn Khang

BÁO CÁO

Đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Kính gửi: Bộ Tư pháp

I. Xác định vấn đề tổng quan

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn hướng dẫn việc đánh giá tác động thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ và Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp), Bộ Tài chính thực hiện Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Dự thảo Nghị định không ban hành mới, quy định chi tiết, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ.

II. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính từng thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định không ban hành mới, quy định chi tiết, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ. Tuy nhiên có sửa đổi, bổ sung 05 thủ tục hành chính nội bộ, gồm:

(1) TTHC Quyết định thuê tài sản công;

(2) TTHC Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước.

(3) TTHC Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a,b,c,d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

(4) TTHC Quyết định điều chuyển tài sản công

(5) TTHC Quyết định thanh lý tài sản công;

(6) TTHC Quyết định bán tài sản công;

(4) TTHC Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê;

(5) TTHC Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết.

Đây là các thủ tục hành chính giữa các cơ quan nhà nước với nhau, được công bố tại Quyết định số 1075/QĐ-BTC ngày 29/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ.

III. Lấy ý kiến

Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính đã được gửi lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính của Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, QLCS.(5)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Văn Kháng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT

Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi là Luật số 56/2024/QH15), căn cứ Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 8 ban hành kèm Quyết định số /QĐ-TTg ngày /12/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là dự thảo Nghị định).

Dự thảo Nghị định được xây dựng nhằm hướng dẫn những nội dung về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15.

I. BÓ CỤC CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định kết cấu gồm 04 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024) của Chính phủ.

Điều 2. Thay thế, bổ sung một số cụm từ tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024) của Chính phủ.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Điều 4. Hiệu lực thi hành.

II. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Sửa đổi, bổ sung quy định về khai thác, xử lý tài sản có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền (Điều 19)

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ mới có quy định về các hình thức xử lý tài sản có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền là: giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy.

Tại Luật số 56/2024/QH15 đã bổ sung 02 hình thức xử lý tài sản công sau khi có quyết định thu hồi gồm: (i) Giao tổ chức phát triển quỹ đất phát triển, quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật về đất đai; (ii) Giao tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương để quản lý, khai thác theo quy định của Chính phủ. Vì vậy, tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định hướng dẫn thực hiện đối với 02 hình thức nêu trên theo hướng:

+ Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác hoặc giao tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương để quản lý, khai thác được quy định như thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án khai thác tài sản đang được quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

+ Quy định về việc xử lý tài sản gắn liền với đất trong trường hợp Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với tài sản đã giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác.

2. Sửa đổi quy định về bán tài sản công (Điều 23, Điều 24)

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 có quy định về việc bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành quy định chi tiết để hướng dẫn thực hiện nội dung này (xác định giá bán, việc thanh toán tiền mua trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Tại Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi quy định về bán tài sản công, theo đó, hình thức bán không được áp dụng đối với tài sản là đất, nhà, tài sản gắn liền với đất. Vì vậy, tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi quy định về bán tài sản công theo hướng bỏ các nội dung quy định về xác định giá khởi điểm, nộp tiền bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và Nghị định số 114/2024/NĐ-CP. Theo đó, sửa đổi, bổ sung Điều 23, Điều 24 Nghị định số 151/2014/NĐ-CP để quy định cho việc bán các tài sản công khác (không phải là đất, nhà, tài sản gắn liền với đất) như quy định hiện hành. Riêng trách nhiệm của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công trong việc tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chuyển thì bổ sung hướng dẫn trong trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.

3. Sửa đổi quy định về thanh lý tài sản công (Điều 29, Điều 30)

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định trường hợp thanh lý tài sản công theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ thì vật tư, vật liệu thu hồi được từ việc phá dỡ, hủy bỏ được xử lý theo hình thức bán. Theo đó, tại Nghị định số

151/2017/NĐ-CP và Nghị định số 114/2024/NĐ-CP chỉ có nội dung hướng dẫn cho trường hợp bán vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, hủy bỏ tài sản.

Tại Luật số 56/2024/QH15 đã bổ sung các hình thức xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ thanh lý tài sản công theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ nếu còn sử dụng được gồm: (i) điều chuyển; (ii) bán; (iii) cơ quan nhà nước có tài sản thanh lý được giữ lại sử dụng nếu có nhu cầu. Vì vậy, tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi các quy định có liên quan để phù hợp với nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15 theo hướng dẫn chi tiết thực hiện theo quy định về xử lý vật tư, vật liệu thu hồi tại Điều 10a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP); theo đó: (i) Vật tư, vật liệu thu hồi được không sử dụng được thì hủy bỏ; (ii) Vật tư, vật liệu thu hồi được thì cơ quan nhà nước được giữ lại tiếp tục sử dụng nếu có nhu cầu; điều chuyển; bán. Đồng thời, hướng dẫn cách xác định giá trị, theo dõi trong trường hợp giữ lại, điều chuyển, bán.

4. Sửa đổi, bổ sung quy định về chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý (Điều 35a) để bảo đảm đồng bộ, phù hợp với quy định của pháp luật về nhà ở đối với các trường hợp nhà ở thuộc tài sản công được chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; bổ sung nội dung hướng dẫn xử lý đối với tài sản gắn liền với đất khi chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý và thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, cụ thể sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Trường hợp nhà, đất đã bố trí làm nhà ở trước ngày 19 tháng 01 năm 2007 thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan;

- Trường hợp nhà, đất đã bố trí làm nhà ở kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2007 thì được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về nhà ở, nếu Nhà nước không còn nhu cầu sử dụng thì thực hiện xử lý như sau:

Trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì bán cho người đang sử dụng nhà, đất. Người đang sử dụng nhà, đất có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và nộp tiền nhà; việc xác định tiền nhà thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 71 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi bán cho người đang sử dụng nhà, đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

Trường hợp không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất của người đang sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai. Việc

bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong trường hợp này (nếu có) thực hiện theo quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan. Đối với tài sản gắn liền với đất trong trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất (bao gồm cả trường hợp sau khi giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác) được xử lý như sau:

+ Căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản gắn liền với đất, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 (hoặc tổ chức phát triển quỹ đất) báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định việc bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 (hoặc tổ chức phát triển quỹ đất) quyết định giá bán tài sản trên đất bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại của tài sản; cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 (hoặc tổ chức phát triển quỹ đất) được thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá làm cơ sở quyết định giá bán; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất.

+ Trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 (hoặc tổ chức phát triển quỹ đất) thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ theo quy định tại Điều 30 Nghị định này; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, hủy bỏ thực hiện theo quy định tại Điều 10a Nghị định này; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được theo dõi trên sổ kế toán tại thời điểm thực hiện phá dỡ, hủy bỏ.

+ Trường hợp theo quy hoạch của địa phương mà phải chia thành nhiều lô để giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất thì giá trị tài sản gắn liền với đất được phân bổ cho từng lô theo tỷ lệ diện tích của từng lô trên tổng diện tích của tất cả các lô.

5. Sửa đổi, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (Điều 44)

Tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản có giá trị lớn); thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Theo đó, quy trình, thủ tục phê duyệt Đề án được quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị

định số 114/2024/NĐ-CP bao gồm nhiều bước để bảo đảm việc báo cáo lên Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Tại Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi quy định về thẩm quyền phê duyệt Đề án thành Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền phê duyệt để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Vì vậy, tại dự thảo Luật đã sửa đổi quy định về quy trình, thủ tục trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án để phù hợp với nội dung sửa đổi về thẩm quyền phê duyệt Đề án tại Luật số 56/2024/QH15, đồng thời đơn giản hóa thủ tục hành chính theo ý kiến của Đại biểu Quốc hội khi góp ý về dự án Luật; cụ thể:

(1) Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm lập đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo Mẫu số 02/TSCĐ-ĐA ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án xem xét, phê duyệt.

Trường hợp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào các mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết là cùng một cơ quan, người có thẩm quyền thì đơn vị sự nghiệp công lập lập một (01) Đề án sử dụng tài sản công vào nhiều mục đích để báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án xem xét, phê duyệt. Trường hợp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào các mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết là không cùng một cơ quan, người có thẩm quyền thì đơn vị sự nghiệp công lập lập Đề án sử dụng tài sản công vào từng mục đích để báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án xem xét, phê duyệt.

(2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt đề án quyết định phê duyệt đề án theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp đơn vị trong trường hợp Đề án cần phải hoàn thiện hoặc không phê duyệt đề án.

6. Bổ sung cụm từ "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam" vào trước cụm từ "tổ chức chính trị - xã hội" tại khoản 5 Điều 2, khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 20, Điều 56, khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 114, khoản 1 Điều 119 để thống nhất thực hiện chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội theo nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15.

7. Sửa đổi, bổ sung các quy định về thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công (Điều 3, 3a, 4, 4a, 17, 20, 22, 28, 32, 34, 37, 37a, 38, 40, 41c, 51 và 92) để phù hợp với quy định tại Luật số 56/2024/QH15 và thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền của Đảng, Nhà nước, cụ thể:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Luật sửa đổi thì Chính phủ quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định giao, mua sắm, thuê, xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, mua sắm,

thuê, phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước; căn cứ quy định của Luật này, phân cấp của Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý cho Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Vì vậy, tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi các quy định về thẩm quyền trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản dự án sử dụng vốn nhà nước theo hướng: Đối với các trường hợp có thể áp dụng chung cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương thì Chính phủ phân cấp ngay tại dự thảo Nghị định để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền (như: phân cấp cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản tự quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy,... đối với tài sản không đủ tiêu chuẩn tài sản cố định; phân cấp cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản,...); đối với các trường hợp còn lại thì phân cấp cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; trong đó, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật (có thể phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị).

8. Sửa đổi một số quy định hiện hành để phù hợp với yêu cầu thực tiễn, cụ thể:

+ Sửa đổi quy định về cơ quan làm chủ tài khoản tạm giữ để quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương theo hướng bộ, cơ quan trung ương giao cơ quan, đơn vị của bộ, cơ quan trung ương làm chủ tài khoản tạm giữ (thay vì bắt buộc phải là cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công như hiện nay) do trong thực tế có một số cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công của bộ, cơ quan trung ương không đủ điều kiện để mở tài khoản tạm giữ theo quy định của pháp luật về tài khoản tạm giữ.

+ Bổ sung quy định về việc phá dỡ các công trình xây dựng tạm thời sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

+ Giao Bộ Tài chính hướng dẫn việc lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết khi sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết để triển khai thực hiện thống nhất.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý, khai thác kho số viễn thông để phù hợp với quy định của Luật Viễn thông năm 2023.

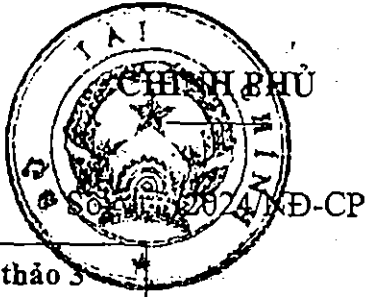
+ Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để phù hợp với thực tiễn một số đơn

vị sự nghiệp công lập không có quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tương ứng với quy định về việc nộp quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp quy định tại Luật số 56/2024/QH15.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý, sử dụng tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp để tránh các cách hiểu khác nhau trong thực tiễn.

9. Ngoài ra, sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 15/01/2024 của Chính phủ quy định việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang lập Tập đoàn Điện lực Việt Nam về chuyển giao công trình điện được xác lập quyền sở hữu toàn dân để làm rõ thẩm quyền quyết định xác lập sở hữu toàn dân, phù hợp với quy định tại Luật số 56/2024/QH15./.

BỘ TÀI CHÍNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo số
13.12.24

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3a (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP), bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4:

“1. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.”

b) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 4:

“4. Đối với trường hợp thuê mua tài sản thì sau khi hết thời gian thuê theo hợp đồng, cơ quan nhà nước có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản và thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật và Nghị định này.”

4. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 và 3 Điều 4a (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“1. Thẩm quyền quyết định giao tài sản công thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Thẩm quyền, thủ tục giao tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương VI của Luật và Chương IX Nghị định này.

3. Thẩm quyền, thủ tục giao tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương VI của Luật và Nghị định của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 10b (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“b) Thẩm quyền quyết định khai thác:

b1) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương;

b2) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 17. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật được quy định như sau:

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi đối với tài sản công của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 19. Xử lý, khai thác tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền

1. Việc xử lý tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện theo các hình thức quy định tại khoản 4 Điều 41 của Luật.

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền theo các hình thức quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 41 của Luật được thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Riêng văn bản đề nghị xử lý tài sản trong hồ sơ đề nghị xử lý được thay bằng phương án xử lý tài sản thu hồi của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định này; trong đó lý do đề nghị xử lý là xử lý tài sản thu hồi.

2. Phạm vi và hình thức khai thác tài sản công có quyết định thu hồi nhưng chưa có quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Bộ trí trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có quyết định thu hồi (bao gồm hoặc không bao gồm các tài sản khác hiện có tại trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đó) cho cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội sử dụng tạm thời trong thời gian chưa có tài sản hoặc đang trong thời gian thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đề nghị của cơ quan,

tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

b) Trong thời gian được bố trí sử dụng tạm thời, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm sử dụng tài sản đúng mục đích được bố trí; thực hiện chi trả chi phí điện, nước, nhân công phục vụ, bảo vệ, chi phí cải tạo, sửa chữa (nếu có) và các chi phí khác có liên quan (không bao gồm chi phí khấu hao, hao mòn tài sản, tiền thuê đất) và được hạch toán vào chi phí hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc tính vào chi phí đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo dự án, nhiệm vụ được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Việc cải tạo, sửa chữa (nếu có) nhà, công trình trong thời gian sử dụng tạm thời do cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tạm thời thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thẩm quyền lập, phê duyệt phương án xử lý theo các hình thức quy định tại điểm đ, điểm e khoản 4 Điều 41 của Luật và phương án khai thác:

a) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật có trách nhiệm lập phương án xử lý, khai thác tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này quyết định thu hồi, trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt.

b) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật có trách nhiệm lập phương án xử lý, khai thác tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định thu hồi, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

c) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp huyện quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật có trách nhiệm lập phương án xử lý, khai thác tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định thu hồi, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

4. Hồ sơ trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý, khai thác tài sản công có quyết định thu hồi gồm:

a) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền lập phương án quy định tại khoản 3 Điều này về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý, khai thác tài sản công có quyết định thu hồi: 01 bản chính.

b) Phương án xử lý, khai thác tài sản do cơ quan có thẩm quyền lập phương án quy định tại khoản 3 Điều này lập: 01 bản chính.

Phương án xử lý, khai thác tài sản là đề xuất về hình thức xử lý theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 4 Điều 41 của Luật hoặc hình thức khai thác theo quy định tại khoản 2 Điều này đối với từng tài sản có Quyết định thu hồi.

c) Quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

d) Hồ sơ khác liên quan đến tài sản và phương án xử lý, khai thác đề xuất: 01 bản sao.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý, khai thác quy định tại khoản 3 Điều này phê duyệt phương án xử lý, khai thác, cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công có trách nhiệm thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản theo phương án xử lý, khai thác được phê duyệt. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định này.

Đối với tài sản thực hiện xử lý theo hình thức giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì việc xử lý đối với tài sản gắn liền với đất trong trường hợp Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai được thực hiện theo quy định tại điểm g5 khoản 3 Điều 35a Nghị định này.

Đối với tài sản thực hiện khai thác, sau khi hết thời hạn khai thác theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc có quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được bố trí sử dụng tạm thời có trách nhiệm bàn giao lại tài sản cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công để tiếp tục lập phương án xử lý, khai thác tài sản theo quy định tại Điều này; cơ quan, tổ chức, đơn vị được bố trí sử dụng tạm thời có trách nhiệm bảo đảm tài sản bàn giao lại đang sử dụng, vận hành bình thường.

6. Trường hợp cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công là cơ quan trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi thì có thể trình phương án xử lý, khai thác tài sản đồng thời với đề nghị thu hồi tài sản để cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt đồng thời trong một Quyết định.

7. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định này sau khi tiếp nhận tài sản thu hồi có trách nhiệm mở sổ theo dõi, hạch toán riêng, tính hao mòn đối với tài sản cố định theo quy định áp dụng với cơ quan nhà nước đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản. Chi phí phát sinh trong quá trình quản lý tài sản thu hồi chưa khai thác, xử lý (chi phí bảo vệ, bảo quản, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản) do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định này chi trả và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“1. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công giữa các bộ, cơ quan trung ương, giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành

phổ trực thuộc trung ương trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.

c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.

Việc phân cấp thẩm quyền quyết định chuyển tài sản phải bảo đảm nguyên tắc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công không quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, tổ chức đơn vị mình.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 20 Nghị định này quyết định điều chuyển tài sản công hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển không phù hợp.

Trường hợp việc điều chuyển tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Trường hợp việc điều chuyển tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định này, trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Trường hợp việc điều chuyển tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thì cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh, cấp huyện quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật có trách nhiệm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 22 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 của Luật được quy định như sau:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.

c) Người đứng đầu cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán đối với:

c1) Tài sản công là tài sản cố định theo thẩm quyền do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp;

c2) Tài sản công không phải là tài sản cố định.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 23. Trình tự, thủ tục bán tài sản công

1. Cơ quan nhà nước có tài sản công thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 của Luật lập 01 bộ hồ sơ đề nghị bán tài sản công gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này xem xét, quyết định.

Hồ sơ đề nghị bán tài sản công gồm:

a) Văn bản đề nghị bán tài sản công của cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó nêu rõ hình thức bán tài sản trong trường hợp đã xác định được hình thức bán): 01 bản chính.

b) Văn bản đề nghị bán tài sản công của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính,

c) Danh mục tài sản đề nghị bán (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại; lý do bán): 01 bản chính.

d) Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị bán tài sản (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này xem xét, quyết định bán tài sản công hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị bán không phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định bán tài sản công gồm:

a) Cơ quan nhà nước có tài sản bán.

b) Danh mục tài sản bán (chủng loại, số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do bán).

c) Hình thức bán tài sản (trường hợp đã xác định được hình thức bán thì ghi trực tiếp vào Quyết định, trường hợp chưa xác định được hình thức bán thì giao người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quyết định hình thức cụ thể căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 27 Nghị định này).

d) Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công.

đ) Quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản.

e) Thời hạn hiệu lực của Quyết định (tối đa là 06 tháng, kể từ ngày ban hành Quyết định).

3. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định bán tài sản công quyết định giao cơ quan nhà nước có tài sản công hoặc cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật chịu trách nhiệm tổ chức bán tài sản công.

Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền giao trách nhiệm tổ chức bán tài sản công cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật thì thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật tổ chức bán đối với tài sản công do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định bán.

b) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật tổ chức bán đối với tài sản công do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định bán.

4. Căn cứ Quyết định bán của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công quy định tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bán tài sản theo quy định tại các Điều 24, 25, 26 và 27 Nghị định này. Trường hợp hết thời hạn hiệu lực của Quyết định mà chưa hoàn thành việc bán thì cơ quan nhà nước có tài sản công báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định bán để gia hạn Quyết định để tiếp tục thực hiện bán (thời gian gia hạn không quá 06 tháng, kể từ ngày có Quyết định gia hạn); trường hợp không tiếp tục bán thì cơ quan nhà nước có tài sản lập hồ sơ, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét xử lý theo các hình thức quy định tại các khoản 1, 2, 2a, 5, 6, 7 và 8 Điều 40 của Luật.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc bán tài sản, cơ quan nhà nước có tài sản bán hạch toán giảm tài sản; báo cáo kê khai biến động tài sản công theo quy định tại Điều 126, Điều 127 Nghị định này.

6. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản công theo hình thức bán được thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 31 Nghị định này.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 24. Bán tài sản công theo hình thức đấu giá

1. Việc bán tài sản công phải thực hiện công khai theo hình thức đấu giá, trừ các trường hợp được bán theo hình thức niêm yết giá hoặc bán chỉ định quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị định này.

2. Xác định giá khởi điểm:

a) Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này quyết định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá bảo đảm phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tương đương tại thời điểm xác định giá.

b) Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thành lập hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá (trong trường hợp lựa chọn phương thức thẩm định giá của Nhà nước) hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện thẩm định giá để làm cơ sở quyết định giá khởi điểm.

Việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo pháp luật về giá. Việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Giá tài sản được xác định tại khoản này không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

3. Những người không được tham gia đấu giá tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

4. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này thuê tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để tổ chức đấu giá. Việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan. Trường hợp không thuê được tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thì thành lập Hội đồng để đấu giá.

5. Việc thành lập và hoạt động của Hội đồng đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

6. Trình tự, thủ tục đấu giá tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Thông tin về việc đấu giá tài sản công được niêm yết, thông báo công khai theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thực hiện giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

Giá bán tài sản công theo hình thức đấu giá là giá trúng đấu giá. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả đấu giá tài sản do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản hoặc Hội đồng đấu giá tài sản chuyển, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thực hiện ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với người trúng đấu giá. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá phải được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định này.

7. Việc thanh toán tiền mua tài sản được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, người trúng đấu giá có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản

3 Điều 23 Nghị định này nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.

b) Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm a khoản này mà người trúng đấu giá chưa thanh toán đủ số tiền mua tài sản thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thực hiện hủy bỏ Hợp đồng đã ký kết và người trúng đấu giá không được nhận lại số tiền tương ứng với khoản tiền đặt cọc.

Thời hạn nộp tiền cụ thể và quy định về việc hủy bỏ Hợp đồng phải được ghi rõ tại Quy chế bán đấu giá, Hợp đồng mua bán tài sản.

Trường hợp đã ký Hợp đồng mua bán tài sản hoặc thanh toán tiền mua tài sản nhưng sau đó người mua tài sản không mua nữa thì được xử lý theo Hợp đồng ký kết và pháp luật về dân sự.

8. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản công cho người mua theo quy định. Việc giao tài sản cho người mua được thực hiện tại nơi có tài sản sau khi người mua đã hoàn thành việc thanh toán.”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 26 như sau:

“6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký Biên bản xác định hoặc Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công thông báo người được quyền mua tài sản, người được quyền mua tài sản có trách nhiệm ký Hợp đồng mua bán tài sản và thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.

Việc thanh toán tiền mua tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Nghị định này.”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 28. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật được quy định như sau:

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.

3. Người đứng đầu cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý đối với:

a) Tài sản công là tài sản cố định theo thẩm quyền do của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp.

b) Tài sản công không phải là tài sản cố định.”

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 29. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản công

1. Khi có tài sản công hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật mà phải thanh lý; tài sản công chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự kiến chi phí sửa chữa lớn hơn 30% giá trị đầu tư xây dựng, mua sắm mới tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tương đương tại thời điểm thanh lý), nhà làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước có tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản công, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 28 Nghị định này xem xét, quyết định.

Hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh lý tài sản công của cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó nêu rõ trách nhiệm tổ chức thanh lý tài sản; dự kiến chi phí sửa chữa tài sản (theo báo giá của đơn vị có chức năng sửa chữa) trong trường hợp xác định việc sửa chữa không hiệu quả): 01 bản chính.

b) Văn bản đề nghị thanh lý tài sản công của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (chủng loại, số lượng, diện tích; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; hình thức thanh lý; lý do thanh lý): 01 bản chính.

d) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện hoặc văn bản thẩm định của đơn vị tư vấn có chức năng thẩm định về tình trạng tài sản và khả năng sửa chữa (đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được): 01 bản sao.

đ) Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị thanh lý tài sản (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 28 Nghị định này quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý không phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản công gồm:

a) Cơ quan nhà nước có tài sản thanh lý.

b) Danh mục tài sản thanh lý (chủng loại, số lượng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do thanh lý).

c) Hình thức thanh lý tài sản (bán; phá dỡ, hủy bỏ).

d) Quản lý, sử dụng tiền thu được từ thanh lý tài sản (nếu có).

đ) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

3. Trong thời hạn 60 ngày (đối với nhà làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất), 30 ngày (đối với tài sản khác), kể từ ngày có quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước có tài sản thanh lý tổ chức thanh lý tài sản theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh lý tài sản, cơ quan nhà nước có tài sản thanh lý hạch toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 126, Điều 127 Nghị định này.

5. Trường hợp phải phá dỡ, hủy bỏ tài sản để thực hiện dự án đầu tư theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc để giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất thì cơ quan nhà nước có tài sản không phải thực hiện thủ tục báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công theo quy định tại Điều này. Trường hợp cơ quan nhà nước có tài sản là Chủ đầu tư thực hiện dự án thì trên cơ sở nội dung phá dỡ, hủy bỏ tài sản đã được phê duyệt tại dự án, cơ quan nhà nước có tài sản thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ và xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, hủy bỏ theo quy định tại Điều 30 Nghị định này. Trường hợp cơ quan nhà nước không phải là Chủ đầu tư thực hiện dự án thì cơ quan nhà nước có tài sản có trách nhiệm bàn giao tài sản phải phá dỡ, hủy bỏ cho Ban Quản lý dự án/Chủ đầu tư thực hiện dự án, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; việc bàn giao được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGH ban hành kèm theo Nghị định này; căn cứ Biên bản bàn giao tài sản, cơ quan nhà nước có tài sản thực hiện hạch toán giảm tài sản theo quy định. Trường hợp thực hiện dự án đầu tư để xây dựng trụ sở làm việc thì Ban Quản lý dự án/Chủ đầu tư thực hiện dự án có trách nhiệm phá dỡ, hủy bỏ tài sản để thực hiện dự án và xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, hủy bỏ theo quy định tại Điều 30 Nghị định này và dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Trường hợp nhà, công trình được xây dựng để sử dụng tạm thời trong khoảng thời gian nhất định theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm phá dỡ, hủy bỏ sau khi hết thời gian sử dụng tạm thời theo quy định tại Điều 30 Nghị định này, không phải thực hiện thủ tục báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công theo quy định tại Điều này; việc xử lý vật tư,

vật liệu thu hồi từ phá dỡ, hủy bỏ được thực hiện theo quy định tại Điều 10a Nghị định này.”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 30 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP), bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 30 như sau:

“Điều 30. Tổ chức thanh lý tài sản công theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ

3. Trường hợp thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản thì việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

b) Trường hợp kết hợp việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản với việc bán vật tư, vật liệu thu hồi thì áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu trong trường hợp dự kiến chi phí phá dỡ, hủy bỏ lớn hơn giá trị dự kiến của vật tư, vật liệu thu hồi; áp dụng hình thức đấu giá trong trường hợp dự kiến chi phí phá dỡ, hủy bỏ nhỏ hơn giá trị dự kiến của vật tư, vật liệu thu hồi. Giá trị dự kiến của vật tư, vật liệu thu hồi được xác định theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

Tổ chức, cá nhân được lựa chọn thông qua đấu thầu, đấu giá thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản kết hợp với việc bán vật tư, vật liệu thu hồi được thực hiện thanh toán bù trừ chi phí phá dỡ và giá trị vật tư, vật liệu thu hồi sau phá dỡ trên cơ sở kết quả đấu thầu, đấu giá.

4. Trường hợp cơ quan nhà nước có tài sản thanh lý tự thực hiện phá dỡ, hủy bỏ tài sản, người đứng đầu cơ quan nhà nước có tài sản quyết định thành lập Hội đồng thanh lý để thực hiện phá dỡ, hủy bỏ tài sản. Hội đồng thanh lý do người đứng đầu cơ quan nhà nước có tài sản thanh lý hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên là đại diện bộ phận kế toán, đại diện bộ phận sử dụng tài sản, đại diện tổ chức công đoàn của cơ quan và các thành viên khác (nếu cần). Việc phá dỡ, hủy bỏ được lập thành Biên bản.

5. Vật tư, vật liệu thu hồi từ việc phá dỡ, hủy bỏ quy định tại điểm a khoản 3, khoản 4 Điều này được xử lý theo quy định tại Điều 10a Nghị định này.”.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 32. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại cơ quan nhà nước

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.

3. Người đứng đầu cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định tiêu hủy đối với:

a) Tài sản công là tài sản cố định theo thẩm quyền do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp.

b) Tài sản công không phải là tài sản cố định.”

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 34 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 34. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.

3. Người đứng đầu cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với:

a) Tài sản công là tài sản cố định theo thẩm quyền do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp.

b) Tài sản công không phải là tài sản cố định.”

19. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm g khoản 3 Điều 35a (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 35a. Chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý

3. Trình tự, thủ tục quyết định chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện như sau:

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này:

b1) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này gửi lấy ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao không phù hợp;

b2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này,

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản về đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý;

b3) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản hoặc sau 30 ngày kể từ ngày có văn bản gửi lấy ý kiến mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản không có ý kiến, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này ban hành Quyết định chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của địa phương trong trường hợp không có ý kiến theo thời hạn quy định.

g) Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể đề tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

g1) Trường hợp giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

g2) Trường hợp giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;

g3) Trường hợp nhà, đất đã bố trí làm nhà ở trước ngày 19 tháng 01 năm 2007 thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan;

g4) Trường hợp nhà, đất đã bố trí làm nhà ở kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2007 thì được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về nhà ở, nếu Nhà nước không còn nhu cầu sử dụng thì thực hiện xử lý như sau:

Trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì bán cho người đang sử dụng nhà, đất. Người đang sử dụng nhà, đất có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và nộp tiền nhà; việc xác định tiền nhà thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 71 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi bán cho người đang sử dụng nhà, đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

Trường hợp không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất của người đang sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai. Việc

bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong trường hợp này (nếu có) thực hiện theo quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

g5) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Đối với tài sản gắn liền với đất, căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản gắn liền với đất, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định việc bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất hoặc phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất.

Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này quyết định giá bán tài sản trên đất bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại của tài sản; cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này được thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá làm cơ sở quyết định giá bán; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ theo quy định tại Điều 30 Nghị định này; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, hủy bỏ thực hiện theo quy định tại Điều 10a Nghị định này; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được theo dõi trên sổ kế toán tại thời điểm thực hiện phá dỡ, hủy bỏ.

Trường hợp theo quy hoạch của địa phương mà phải chia thành nhiều lô để giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất thì giá trị tài sản gắn liền với đất được phân bổ cho từng lô theo tỷ lệ diện tích của từng lô trên tổng diện tích của tất cả các lô.

g6) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trong trường hợp Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với đất đã giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì tổ chức phát triển quỹ đất báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm g5 khoản này; tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm xác định giá bán tài sản gắn liền với đất (trong trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất), xử lý vật tư, vật liệu thu hồi (trong trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất); người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn

liên với đất, hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm g5 khoản này.

g7) Cơ quan chuyên môn về tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm g1, điểm g2 khoản này. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm g3 khoản này. Cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại các điểm g4, g5 và g6 khoản này.”.

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 35b (được bổ sung tại khoản 27 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 35b. Xử lý tài sản công trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động

1. Cơ quan nhà nước thuộc đối tượng thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động có trách nhiệm thực hiện kiểm kê, phân loại đối với tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của cơ quan; chịu trách nhiệm xử lý tài sản phát hiện thừa/thiếu qua kiểm kê theo quy định của pháp luật. Đối với tài sản không phải của cơ quan (tài sản nhận giữ hộ, tài sản mượn, tài sản thuê của tổ chức, cá nhân khác...), cơ quan nhà nước thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp sáp nhập, hợp nhất thì pháp nhân sau khi sáp nhập, hợp nhất được kế thừa quyền quản lý, sử dụng tài sản của cơ quan bị sáp nhập, hợp nhất và có trách nhiệm:

a) Bố trí sử dụng tài sản theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật.

b) Xác định tài sản dôi dư (không còn nhu cầu sử dụng theo cơ cấu tổ chức bộ máy mới) hoặc thuộc trường hợp phải xử lý theo quy định của Luật và Nghị định này để lập hồ sơ, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Tiếp tục thực hiện các nội dung chưa hoàn thành đối với các tài sản đã có Quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền trước khi sáp nhập, hợp nhất mà đến thời điểm sáp nhập, hợp nhất, cơ quan nhà nước bị sáp nhập, hợp nhất chưa xử lý xong.

3. Trường hợp chia tách, cơ quan nhà nước thuộc đối tượng thực hiện chia tách có trách nhiệm lập phương án phân chia tài sản hiện có và phân công trách nhiệm xử lý các tài sản đang trong quá trình xử lý cho các pháp nhân mới sau khi chia tách, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định chia tách phê duyệt. Sau khi hoàn thành việc chia tách, các pháp nhân mới có trách nhiệm bố trí sử dụng tài sản theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản và hoàn thành việc xử lý các tài sản đang trong quá trình xử lý theo trách nhiệm được phân công; đối với tài sản dôi dư hoặc thuộc trường hợp phải xử lý theo quy định của Luật

và Nghị định này, pháp nhân mới có trách nhiệm lập hồ sơ, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý theo quy định.

4. Trường hợp chấm dứt hoạt động, chuyển chức năng, nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác, căn cứ chủ trương của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước bị chấm dứt hoạt động chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ xây dựng phương án phân chia tài sản phù hợp với nhiệm vụ chuyển và thực trạng của tài sản để tổng hợp vào đề án/phương án sắp xếp bộ máy; trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi tiếp nhận nhiệm vụ theo đề án/phương án sắp xếp bộ máy, cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện theo các điểm a, b và c khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động mà không thuộc phạm vi quy định tại khoản 4 Điều này, sau khi có Quyết định giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước bị giải thể, chấm dứt hoạt động có trách nhiệm bàn giao tài sản cho cơ quan quản lý cấp trên hoặc cơ quan khác được giao tiếp nhận tài sản. Cơ quan được giao tiếp nhận tài sản có trách nhiệm căn cứ quy định của Luật và Nghị định này lập hồ sơ báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý, trên cơ sở đó tổ chức xử lý tài sản theo quy định. Đối với các tài sản đã có Quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền trước khi giải thể, chấm dứt hoạt động mà đến thời điểm giải thể, chấm dứt hoạt động cơ quan nhà nước bị giải thể, chấm dứt hoạt động chưa hoàn thành việc xử lý thì cơ quan được giao tiếp nhận tài sản có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nội dung chưa hoàn thành.”.

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 6 Điều 36 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:

a) Cơ quan, đơn vị được bộ, cơ quan trung ương giao nhiệm vụ làm chủ tài khoản quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.

b) Cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm chủ tài khoản quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định xử lý.

c) Cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ tài khoản quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định xử lý.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nộp tiền vào tài khoản tạm giữ, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán, thanh lý tài sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả chi phí xử lý tài sản hoặc có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán (văn bản nêu rõ lý do đề nghị gia hạn và thời gian gia hạn nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày có văn

bản đề nghị gia hạn) hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí. Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán, thanh lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về dự toán được duyệt, tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán và việc chậm gửi hồ sơ, văn bản.

Hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản (trong đó nêu rõ tổng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, dự toán chi phí được duyệt, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.”.

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 37 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP), bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 37 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 37:

“2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, trừ trường hợp quy định tại điểm c1 khoản này.

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật, trừ trường hợp quy định tại điểm c1 khoản này.

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm:

c1) Tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô);

c2) Tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô theo thẩm quyền do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp.”.

b) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 37:

“4. Việc mua sắm tài sản quy định tại Điều này không bao gồm mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập. Việc mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.”.

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 37a (được bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của đơn vị.”.

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 32 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP), bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 38 như sau:

“1. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị.

2. Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thực hiện thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Việc thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều này không bao gồm thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của đơn vị. Việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

4. Đối với trường hợp thuê mua tài sản thì sau khi hết thời gian thuê mua theo hợp đồng, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản và thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật và Nghị định này.”.

25. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 40 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 40:

“2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được quy định như sau:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 40:

“3. Đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản công lập 01 bộ hồ sơ đề nghị sử dụng tài sản công hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, gửi cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên (sau đây gọi chung là cơ quan quản lý cấp trên) (nếu có) để xem xét, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định.

Hồ sơ đề nghị sử dụng tài sản công hiện có để thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư gồm:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản: 01 bản chính.

b) Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính.

c) Danh mục tài sản (chủng loại, số lượng, diện tích; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán): 01 bản chính.

d) Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 40:

“5. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật khác có liên quan. Căn cứ dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng ký kết, đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản công thực hiện bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án. Việc bàn giao được lập thành biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp phải phá dỡ nhà làm việc, công trình và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp để thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà đầu tư tổ chức thực hiện việc phá dỡ. Vật tư, vật liệu thu hồi từ việc phá dỡ tài sản được xử lý theo hợp đồng dự án. Trường hợp vật tư, vật liệu thu hồi thuộc về đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản thì việc xử lý được thực hiện theo quy định tại Điều 10a Nghị định này.”.

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 41c (được bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“4. Việc khai thác tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị quy định tại Điều 41b Nghị định này được thực hiện như sau:

a) Hình thức khai thác:

a1) Đơn vị sự nghiệp công lập tự quản lý, sử dụng tài sản công để cung cấp các dịch vụ phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Giá dịch vụ được thực hiện theo quy định của Nhà nước (đối với các dịch vụ thuộc trường hợp do Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giá) hoặc do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định theo quy định về xác định giá dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (đối với các dịch vụ không thuộc trường hợp do Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giá).

a2) Cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện quyền khai thác tài sản công để cung cấp các dịch vụ phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân khác thực hiện quyền khai thác tài sản công được thực hiện theo các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; việc tổ chức đấu thầu hay đấu giá do Thủ trưởng đơn vị có tài sản quyết định. Giá cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện quyền khai thác là giá trúng đấu giá hoặc đấu thầu; giá khởi điểm để tổ chức đấu giá, giá gói thầu để tổ chức đấu thầu được xác định theo quy định về xác định giá gói thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định giá khởi điểm, giá gói thầu. Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền khai thác được thu tiền dịch vụ theo mức giá quy định của Nhà nước (đối với các dịch vụ thuộc trường hợp do Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giá) hoặc quyết định mức thu bảo đảm bù đắp đủ chi phí và có tích lũy hợp lý (đối với các dịch vụ không thuộc trường hợp do Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giá).

a3) Cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng vị trí tại cơ sở hoạt động sự nghiệp để lắp đặt máy rút tiền tự động, máy bán hàng tự động, lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông, lắp đặt màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền kết hợp quảng cáo theo quy định của pháp luật.

Việc cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng vị trí tại cơ sở hoạt động sự nghiệp để lắp đặt máy rút tiền tự động, lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông được thực hiện theo hình thức thỏa thuận trực tiếp với tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Đơn vị sự nghiệp công lập chuẩn bị phương án cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng vị trí tại cơ sở hoạt động sự nghiệp để lắp đặt máy rút tiền tự động, lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông gửi tới tổ chức, cá nhân có nhu cầu; trên cơ

sở hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân có nhu cầu, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện thương thảo hợp đồng cho sử dụng vị trí để lắp đặt máy rút tiền tự động, lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông và ký kết hợp đồng làm cơ sở thực hiện. Giá cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng vị trí tại cơ sở hoạt động sự nghiệp là giá đã thương thảo với tổ chức, cá nhân có nhu cầu và ghi nhận tại hợp đồng.

Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân sử dụng vị trí tại cơ sở hoạt động sự nghiệp để lắp đặt máy bán hàng tự động, màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền kết hợp quảng cáo được thực hiện theo quy định tại điểm a2 khoản này.

b) Thẩm quyền quyết định khai thác:

b1) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, trừ trường hợp quy định tại điểm b3 khoản này;

b2) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật, trừ trường hợp quy định tại điểm b3 khoản này;

b3) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị.

c) Trình tự, thủ tục khai thác tài sản công:

c1) Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý, sử dụng tài sản công lập hồ sơ đề nghị khai thác tài sản công, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản này xem xét, quyết định việc khai thác tài sản công. Hồ sơ đề nghị khai thác gồm:

Văn bản đề nghị khai thác tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập (trong đó nêu rõ sự cần thiết; hình thức khai thác; thời hạn khai thác; dự kiến số tiền thu được (nếu có)): 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị khai thác (chủng loại, số lượng, diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại): 01 bản chính;

Các hồ sơ khác liên quan đến tài sản đề nghị khai thác: 01 bản sao.

c2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị khai thác tài sản do đơn vị lập, cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc khai thác tài sản công hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp không thống nhất việc khai thác tài sản.

c3) Nội dung chủ yếu của Quyết định khai thác tài sản công gồm:

Tên đơn vị sự nghiệp công lập được khai thác tài sản;

Danh mục tài sản khai thác (chủng loại, số lượng, diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại);

Hình thức khai thác; thời hạn khai thác;

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm cấp hóa đơn bán hàng cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ.

đ) Số tiền thu được từ khai thác tài sản công, sau khi trừ đi các chi phí có liên quan, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, phần còn lại là nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập, được quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.”.

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 40 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 44. Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm lập đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo Mẫu số 02/TSC-ĐA ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án xem xét, phê duyệt.

Hồ sơ trình cơ quan người có thẩm quyền phê duyệt Đề án gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án của đơn vị sự nghiệp công lập: 01 bản chính.

b) Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) có ý kiến về Đề án: 01 bản chính.

c) Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị: 01 bản chính.

d) Văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị: 01 bản sao.

đ) Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

Trường hợp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào các mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết là cùng một cơ quan, người có thẩm quyền thì đơn vị sự nghiệp công lập lập một (01) Đề án sử dụng tài sản công vào các mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (nhiều mục đích) để báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án xem xét, phê duyệt. Trường hợp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào các mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết là không cùng một cơ quan, người có thẩm quyền thì đơn vị sự nghiệp công lập lập Đề án sử dụng tài sản công vào từng mục đích để báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án xem xét, phê duyệt.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt đề án quyết định phê duyệt đề án theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp đơn vị trong trường hợp đề án cần phải hoàn thiện hoặc không phê duyệt đề án.

Trường hợp đề án cần phải hoàn thiện thì đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thiện đề án và thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

3. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt đề án gồm:

a) Tên đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

b) Danh mục tài sản được sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

c) Thời hạn thực hiện đề án (thời gian đề án có hiệu lực).

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Sau khi Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt mà đơn vị phát sinh các tài sản khác sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết thì việc lập, có ý kiến, trình, phê duyệt Đề án sử dụng tài sản đó vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Trường hợp các đơn vị sự nghiệp công lập cùng có nhu cầu sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết với nhau nhằm cung cấp dịch vụ công thì các đơn vị sự nghiệp công lập cùng lập một Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết. Trên cơ sở đó, các bên tham gia liên doanh, liên kết báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo thẩm quyền và trình tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này làm cơ sở thực hiện, không phải tổ chức lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Nghị định này.”

28. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 46 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 41 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“a) Việc cho thuê tài sản công được thực hiện theo hình thức đấu giá, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này. Việc đấu giá cho thuê tài sản được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 24 Nghị định này và pháp luật về đấu giá tài sản.

Giá khởi điểm để đấu giá do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phù hợp với giá cho thuê trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tương đương. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá làm cơ sở quyết định giá khởi điểm đấu giá cho thuê tài sản.

Việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo pháp luật về giá. Việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.”.

29. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 47 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 42 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP), điểm b khoản 7 Điều 47 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 47:

“2. Căn cứ Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 44 Nghị định này, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm:

a) Quyết định cụ thể việc sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết.

b) Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá làm cơ sở quyết định giá trị tài sản công sử dụng vào liên doanh, liên kết. Việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo pháp luật về giá. Việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Tổ chức lựa chọn đối tác để thực hiện liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 3 Điều này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 Điều 47:

“b) Chi phí định giá, thẩm định giá, đấu giá tài sản; chi phí lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết;”.

30. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 51 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương.

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật đối với tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý đối với:

c1) Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản theo thẩm quyền do của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp;

c2) Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.”.

31. Sửa đổi, bổ sung Điều 53a (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 44 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 53a. Chuyển giao tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập về địa phương quản lý, xử lý; xử lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động; xử lý tài sản công là vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, sản phẩm mật mã của ngành cơ yếu trang bị cho đơn vị sự nghiệp công lập

1. Việc chuyển giao tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện theo quy định tại Điều 35a Nghị định này.

2. Việc xử lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động được thực hiện theo quy định tại Điều 35b Nghị định này.

3. Việc xử lý tài sản công là vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, sản phẩm mật mã của ngành cơ yếu trang bị cho đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 35c Nghị định này.”.

32. Sửa đổi, bổ sung Điều 55 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 55. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, sau khi trừ đi chi phí có liên quan, trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có) và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, phần còn lại được quản lý, sử dụng như sau:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên thì thực hiện nộp ngân sách nhà nước.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này thì bổ sung quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; trường hợp đơn vị không có quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp thì quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính áp dụng đối với đơn vị đó.

2. Trường hợp không phát sinh nguồn thu từ việc xử lý tài sản công hoặc số tiền thu được từ bán, thanh lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được chi từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức bán, thanh lý tài sản.”.

33. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 58 như sau:

“2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc phạm vi quản lý.”.

34. Sửa đổi, bổ sung Điều 88 như sau:

“Điều 88. Quản lý, sử dụng tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Trường hợp tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; tài sản kết cấu hạ tầng; tài sản phục vụ hoạt động của các dự án

sử dụng vốn nhà nước; đất, tài nguyên khác được Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì việc quản lý, sử dụng được thực hiện như sau:

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh tại doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện theo quy định tại Điều 64, Điều 65 của Luật và quy định tại Chương V Nghị định này.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định tại Chương IV của Luật, quy định của Chính phủ về chế độ quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng và pháp luật có liên quan.

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương VI của Luật và Chương IX Nghị định này; trường hợp tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

4. Việc quản lý, sử dụng đất được Nhà nước giao quản lý không thu tiền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương VII của Luật, quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

5. Việc quản lý, sử dụng tài nguyên thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương VII của Luật, quy định của pháp luật về tài nguyên và pháp luật có liên quan.”

35. Sửa đổi, bổ sung Điều 92 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:

“Điều 92. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

1. Đối với dự án thuộc trung ương quản lý:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc bộ, cơ quan trung ương khác hoặc địa phương quản lý theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án:

b1) Giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương;

b2) Giao, điều chuyển tài sản để phục vụ hoạt động của dự án khác thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương;

b3) Bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại;

b4) Chuyển giao diện tích đất được giao (hoặc tạm giao) để phục vụ công tác thi công dự án cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi hoàn thành việc thi công dự án.

2. Đối với dự án thuộc địa phương quản lý:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc trung ương hoặc tỉnh, thành phố khác quản lý theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật trong trường hợp giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản trong trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 91 Nghị định này theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

4. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản theo hình thức khác quy định tại khoản 6 Điều 91 Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Việc quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án được thực hiện thông qua quyết định hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều này.”.

36. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 106 như sau:

“2a. Thu tiền cấp quyền sử dụng mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông.”.

37. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 121 như sau:

“1. Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp công khai việc đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp không được công khai theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật của nhà nước. Thời hạn công khai là 30 ngày.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị công khai việc đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, trừ trường hợp không được công khai theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật của nhà nước. Thời hạn công khai là 30 ngày.”.

Điều 2. Thay thế, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, cụm từ của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024)

1. Thay thế cụm từ “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017” thành “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/NĐ-CP (sau đây gọi là Luật)” tại khoản 1 Điều 1; thay thế cụm từ “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công” thành “của Luật” tại Điều 4a; thay thế cụm từ “của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công” thành “của Luật” tại các Điều 11, 16, 18, 21, 33, 39, 41, 41a, 42, 43, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 56, 57, 59, 60, 61, 63, 66, 84, 85, 89, 90, 93, 94 và 114; thay thế cụm từ “tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công” thành “của Luật” tại Điều 25, Điều 35c.

2. Thay thế cụm từ “theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công” thành “theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất” tại điểm b khoản 5 Điều 1.

3. Thay thế cụm từ “quy định” thành “quyết định hoặc phân cấp” tại khoản 2 Điều 6, khoản 3 Điều 8, điểm c khoản 2 Điều 59, khoản 2 Điều 60, khoản 2 Điều 61, khoản 2 Điều 62.

4. Bãi bỏ cụm từ “điểm b” tại khoản 3 Điều 10a.

5. Thay thế cụm từ “cuộc đấu giá” thành “phiên đấu giá” tại điểm a khoản 2 Điều 25.

6. Bổ sung cụm từ “, không còn phù hợp với giá thị trường” vào sau cụm từ “do giá khởi điểm cao” tại khoản 3 Điều 25.

7. Bãi bỏ cụm từ “, trụ sở làm việc, trừ trường hợp đặc biệt theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công” tại khoản 1 Điều 27.

8. Thay thế cụm từ “khoản 6 Điều 26” thành “khoản 7 Điều 25” tại khoản 4 Điều 27.

9. Bãi bỏ cụm từ “điểm b, điểm c” tại điểm b khoản 3 Điều 31.

10. Bãi bỏ khoản 9 Điều 36.

11. Thay thế cụm từ “Điều 13, các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 Nghị định này” thành “các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 11, Điều 13 Nghị định này” tại khoản 6 Điều 57.

12. Bãi bỏ cụm từ “; trường hợp tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng gắn liền với đất trước khi bán phải làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai” tại khoản 1 Điều 60.

13. Bổ sung cụm từ “hoặc tự cân đối từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị” vào sau cụm từ “phê duyệt bổ sung dự toán mua sắm” tại khoản 4 Điều 74.

14. Bãi bỏ Điều 87, điểm e khoản 1 Điều 93.

15. Bổ sung cụm từ “, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác” vào sau cụm từ “cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng” tại điểm b khoản 3 Điều 93.

16. Bổ sung cụm từ “(đối tượng được tiếp nhận tài sản là kết quả dự án)” vào sau cụm từ “đối tượng thụ hưởng kết quả dự án” tại tiêu đề khoản 2 Điều 94.17. Bổ sung cụm từ “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam” vào trước cụm từ “tổ chức chính trị - xã hội” tại tên Chương IV, khoản 5 Điều 2, khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 20, Điều 56, khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 114, khoản 1 Điều 119.

18. Thay thế cụm từ “kho số phục vụ quản lý nhà nước” thành “kho số viễn thông và kho số khác phục vụ quản lý nhà nước” tại tên Chương XII, Điều 105, Điều 106.

19. Thay thế cụm từ “quy định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương” thành “phân cấp của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương” tại khoản 2 Điều 137a.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14:

“1. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với công trình điện trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là quận, huyện) thuộc phạm vi quản lý của mình;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với công trình điện trên địa bàn từ hai quận, huyện trở lên thuộc phạm vi quản lý của mình;

c) Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với công trình điện trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 14:

“5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm kê, xác định giá trị, Bên nhận có trách nhiệm lập hồ sơ để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo thẩm quyền hoặc báo cáo Tập đoàn Điện lực Việt Nam xem xét, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều này quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam gồm:

a) Văn bản của Bên nhận đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam: 01 bản chính;

b) Danh mục công trình điện do Bên nhận lập (thông số kỹ thuật, tình trạng công trình điện, năm đưa vào sử dụng, giá trị công trình điện): 01 bản chính;

c) Biên bản kiểm kê, xác định giá trị công trình điện theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

d) Văn bản của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình điện đề nghị chuyển giao quyền sở hữu công trình điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.”

2. Thay thế cụm từ “Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân” thành “Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định chuyển giao” tại chú thích (1) tại Mẫu số 06 Phụ lục kèm theo Nghị định số 02/2024/NĐ-CP.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Quy định chuyển tiếp:

a) Đối với các tài sản có quyết định thu hồi đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác theo hình thức giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác hoặc giao tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương để quản lý, khai thác theo quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo phương án khai thác đã được phê duyệt.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết trước ngày Nghị định số 114/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Đề án đã được phê duyệt, đơn vị không phải nộp tiền thuê đất theo Đề án đã được phê duyệt; trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng nộp nghĩa vụ ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 43 Nghị định này thì đơn vị có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án theo quy định tại Nghị định này phê duyệt cụ thể mức nộp ngân sách nhà nước để làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

c) Cơ quan, đơn vị của bộ, cơ quan trung ương được giao nhiệm vụ làm chủ tài khoản tạm giữ quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định này có trách nhiệm mở tài khoản tạm giữ theo quy định trong thời hạn chậm nhất là 02 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Trong thời gian cơ quan, đơn vị của bộ, cơ quan trung ương được giao nhiệm vụ làm chủ tài khoản tạm giữ chưa mở tài khoản tạm giữ, số tiền thu được từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức thuộc trung ương quản lý được nộp vào tài khoản tạm giữ do cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm chủ tài khoản. Cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý số tiền đã nộp vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại Nghị định này đến khi

hoàn thành việc chuyển nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Các bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai Nghị định này; rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành không phù hợp với quy định của Luật, Nghị định này để bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTHH (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính



NGẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN THAM GIA CỦA BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG

Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công
(15 Bộ, ngành; 50 địa phương)

ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG	Ý KIẾN THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Các đơn vị thống nhất hoàn toàn với nội dung dự thảo		<p>Bộ, ngành (12): Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Thông tấn xã Việt Nam; Văn phòng Trung ương Đảng; Đài tiếng nói Việt Nam; Bộ Thông tin và Truyền thông; Ban Quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam; Văn phòng Chủ tịch nước</p> <p>Địa phương (14): Đắk Lắk; Cao Bằng; Hà Nội; Bạc Liêu; Lạng Sơn; Long An; Tây Ninh; Tuyên Quang; Quảng Ngãi; Bình Dương; Tiền Giang; Vĩnh Long; Vĩnh Phú; Phú Yên; Bắc Kạn; Trà Vinh; Hậu Giang; Hải Dương; Cần Thơ; Cà Mau; Bình Phước; Kon Tum; Lâm Đồng; Đồng Tháp; Sóc Trăng; Lào Cai</p> <p>Tổ chức chính trị - xã hội, Tổ chức khác (5): Hội cựu chiến binh Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam; Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội Phụ nữ VN, Hội Nghệ sĩ múa VN</p>	
Tên gọi		Do Nghị định sửa đổi, bổ sung đối với cả Nghị định của Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, vì vậy đề nghị sửa tên của Nghị định như sau: “Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công”. (Yên Bái) .	Tiếp thu, hoàn thiện tên dự thảo Nghị định cho phù hợp với các nội dung sửa đổi, bổ sung.
Thể thức		Đề nghị sửa căn cứ thành: “ <i>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày tháng năm 2024</i> ” nhằm đảm bảo phù hợp theo quy tắc viết hoa trong văn bản quy phạm pháp luật tại Phụ lục VI Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (Bình Định)	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
		Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP: Đề nghị bố cục lại các điểm trong khoản này cho phù hợp vì hiện tại, khoản này có điểm a, b, d mà không có điểm c. (Bình Định)	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định

		<p>Khoản 7 Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP: Đề nghị bố cục lại các điểm trong khoản này cho phù hợp vì hiện tại, khoản này có điểm a, d mà không có điểm b. (Bình Định)</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định</p>
		<p>Khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định: Đề nghị bỏ toàn bộ nội dung “Điều 24. Bán tài sản công theo hình thức đấu giá” vì khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định chỉ sửa đổi, bổ sung một số khoản trong Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; không sửa đổi, bổ sung toàn bộ Điều này. (Bình Định)</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định</p>
		<p>Điều 4 dự thảo Nghị định: Đề nghị rà soát, viện dẫn các văn bản tại Điều này đảm bảo theo kỹ thuật viện dẫn văn bản tại khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, Nghị định số 59/2024/NĐ-CP) là “Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó”. (Bình Định)</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định</p>
		<p>Đề nghị rà soát, không sử dụng các chữ cái g1, g2, g3, g5... để quy định các điểm trong khoản nhằm đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP là “Thứ tự các điểm trong mỗi khoản dùng các chữ cái tiếng Việt theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt” và “Mỗi điểm trong bố cục của văn bản chỉ được thể hiện một ý và phải được trình bày trong một câu hoàn chỉnh hoặc một đoạn, không sử dụng các ký hiệu khác để thể hiện các ý trong một điểm”. (Bình Định)</p>	<p>Do nội dung sửa đổi, bổ sung gồm nhiều ý thể hiện khác nhau; vì vậy, việc sử dụng ký hiệu như tại dự thảo nhằm thể hiện rõ các ý và thuận lợi trong quá trình áp dụng. Vì vậy, đề nghị cho giữ như dự thảo.</p>
		<p>Đề nghị rà soát, thống nhất trình bày “ngày ... tháng ...năm...” ban hành văn bản trong toàn bộ Dự thảo. (Bình Định)</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định</p>
		<p>Điều 2 dự thảo Nghị định: Đề nghị bố cục lại Điều này cho phù hợp vì hiện tại, Điều này không có khoản mà có điểm</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định</p>

		<i>(Nghệ An, Bình Định)</i>	
		Đề nghị rà soát để sửa đổi các điểm cho đúng thứ tự a,b,c... tại khoản 1, khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định. <i>(Yên Bái, Ninh Thuận)</i>	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định
		Tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định đề nghị bỏ bớt một chữ “khoản” do trùng hai chữ. <i>(Yên Bái, Ninh Thuận)</i>	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định
		- Tại khoản 6 Điều 4 dự thảo Nghị định đề nghị bỏ một cụm “Nghị định” do trùng hai lần. <i>(Yên Bái)</i>	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định
Khoản 1 Điều 1	<p>1. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:</p> <p>“Điều 19. Xử lý, khai thác tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền</p> <p>1. Việc xử lý tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện theo các hình thức quy định tại khoản 4 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền theo các hình thức quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Riêng văn bản đề nghị xử lý tài sản trong hồ sơ đề nghị xử lý được thay bằng phương án xử lý tài sản thu hồi của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định này; trong đó lý do đề nghị xử lý là xử lý tài sản thu hồi.</p> <p>Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý tài sản công (bao gồm cả quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền theo các hình thức quy định tại điểm d khoản 4 Điều 41 Luật Quản lý,</p>	<p>Đề nghị dự thảo nghiên cứu quy định làm rõ đối với trường hợp cơ quan, tổ chức đơn vị được bố trí sử dụng tài sản tạm thời nhưng tài sản bị hỏng không do lỗi của các chủ thể trên <i>(Hoà Bình)</i></p> <p>Đề nghị sửa đổi điểm a, khoản 2, Điều 19 như sau: <i>“a) Bố trí trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có quyết định thu hồi (bao gồm hoặc không bao gồm các tài sản khác hiện có tại trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đó) cho cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, <u>tổ chức hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về hội sử dụng tạm thời trong thời gian chưa có tài sản hoặc đang trong thời gian thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.”</u></i> Lý do: Đề nghị bổ sung “tổ chức hội do Đảng, Nhà nước</p>	<p>Tại dự thảo quy định: “cơ quan, tổ chức, đơn vị được bố trí sử dụng tạm thời có trách nhiệm bảo đảm tài sản bàn giao lại đang sử dụng, vận hành bình thường”. Như vậy, trong quá trình sử dụng tài sản dù việc hư hỏng tài sản phát sinh do nguyên nhân gì thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được bố trí sử dụng tạm thời đều phải có trách nhiệm sửa chữa để khi bàn giao lại tài sản phải được sử dụng bình thường.</p>

<p>sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền theo các hình thức quy định tại điểm e khoản 4 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.</p> <p>2. Phạm vi và hình thức khai thác tài sản công có quyết định thu hồi:</p> <p>a) Bố trí trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có quyết định thu hồi (bao gồm hoặc không bao gồm các tài sản khác hiện có tại trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đó) cho cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội sử dụng tạm thời trong thời gian chưa có tài sản hoặc đang trong thời gian thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.</p> <p>b) Trong thời gian được bố trí sử dụng tạm thời, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm sử dụng tài sản đúng mục đích được bố trí; thực hiện chi trả chi phí điện, nước, nhân công phục vụ, bảo vệ, chi phí cải tạo, sửa chữa (nếu có) và các chi phí khác có liên quan (không bao gồm chi phí khấu hao, hao mòn tài sản, tiền thuê đất) và được hạch toán vào chi phí hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc tính vào chi phí đầu tư xây</p>	<p>giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về hội” để phù hợp với Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ. (Sơn La, Thanh Hoá)</p> <p>- Tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 19 quy định: việc bố trí trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có quyết định thu hồi cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước (gồm: cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội) để sử dụng tạm thời trong thời gian chưa có tài sản hoặc đang trong thời gian thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp là hình thức khai thác tài sản công. Đồng thời, quy định Sở Tài chính là cơ quan lập, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án khai thác. Vì cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước sử dụng tạm thời trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp để phục vụ nhiệm vụ nhà nước giao, không phải sử dụng để cho thuê hoặc bán để tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước nên không thể xem đó là hình thức khai thác tài sản công. Do đó, đề nghị bỏ nội dung quy định nêu trên. (Bình Định)</p> <p>Thực tế ở địa phương có phát sinh trường hợp tạm giao trụ sở dôi dư cho cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước sử dụng tạm thời trong thời gian đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa trụ sở; theo đó để có cơ sở thực hiện, đề nghị quy định trường hợp tạm giao trụ sở dôi dư cho cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước sử dụng tạm thời trong thời gian đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa trụ sở thì cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước có nhu cầu sử dụng tạm thời trụ sở có văn bản đề nghị cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công xem xét, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định (không quy định việc lập, phê duyệt phương án khai thác công như dự thảo Nghị định này). (Bình Định)</p> <p>Tại khoản 1 Điều 19 quy định: “Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền theo các hình thức quy định tại các</p>	<p>Theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thì đối với tài sản công có quyết định thu hồi, cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công có trách nhiệm bảo quản, lập phương án xử lý hoặc khai thác để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Tại Điều 19 dự thảo Nghị định hướng dẫn cho nội dung này; vì vậy, đề nghị cho giữ như dự thảo để phù hợp với quy định tại Luật.</p> <p>Tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 41 Luật Quản lý sử dụng tài sản công (được sửa đổi tại khoản</p>
---	--	---

<p>dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo dự án, nhiệm vụ được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Việc cải tạo, sửa chữa (nếu có) nhà, công trình trong thời gian sử dụng tạm thời do cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tạm thời thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Thẩm quyền lập, phê duyệt phương án khai thác tài sản công có quyết định thu hồi:</p> <p>a) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập phương án khai thác tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này quyết định thu hồi, trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt.</p> <p>b) Sở Tài chính có trách nhiệm lập phương án khai thác tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định thu hồi, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.</p> <p>c) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện có trách nhiệm lập phương án khai thác tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định thu hồi, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.</p>	<p>điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định tại Nghị định này”, tuy nhiên qua rà soát, nội dung Nghị định chưa quy định đối với nội dung này. Do đó, đề nghị rà soát, quy định cụ thể để có cơ sở thực hiện (Bình Định)</p>	<p>4 Điều 5 Luật 56/2024/NĐ-CP) quy định: “4. Tài sản công bị thu hồi được xử lý theo các hình thức sau đây:</p> <p>a) Giao cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 29 của Luật này;</p> <p>b) Điều chuyển theo quy định tại Điều 42 của Luật này;</p> <p>c) Bán, thanh lý theo quy định tại các điều 40, 43 và 45 của Luật này;</p> <p>d) Tiêu hủy theo quy định tại Điều 46 của Luật này;”.</p> <p>Đây là các hình thức đã được quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và Nghị định số 114/2024/NĐ-CP. Vì vậy, đề nghị cho giữ như dự thảo.</p>
<p>4. Hồ sơ trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác tài sản công có quyết định thu hồi gồm:</p> <p>a) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền lập phương án quy định tại khoản 3 Điều này về việc đề nghị phê duyệt phương án khai thác tài sản công có quyết định thu hồi.</p> <p>b) Quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.</p> <p>d) Hồ sơ khác liên quan đến tài sản và phương</p>	<p>Tại Điều 19 quy định: khi xử lý tài sản thu hồi thì phải lập phương án xử lý, phương án khai thác, đề nghị quy định cụ thể biểu mẫu của phương án xử lý, phương án khai thác hoặc các nội dung chính trong phương án xử lý, phương án khai thác để có cơ sở thực hiện (Bình Định).</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.</p>
	<p>Đề nghị nghiên cứu, quy định chuyển tiếp đối với trường hợp: Địa phương đã ban hành quyết định khai thác tài sản có quyết định thu hồi theo hình thức giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật về đất đai theo Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với trường hợp này, địa phương có phải thực hiện điều chỉnh lại từ hình thức “khai thác” thành “xử lý” hay không? (Phú Thọ)</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.</p>
	<p>Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 14 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; Nghị định số 108/2024/NĐ-CP của</p>	<p>Tùy thuộc vào tình hình thực tế của địa phương, khả năng thực</p>

	<p>án khai thác đề xuất: 01 bản sao.</p> <p>5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác quy định tại khoản 3 Điều này phê duyệt phương án khai thác, cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công có trách nhiệm thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản theo phương án khai thác được phê duyệt. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản để khai thác theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>Sau khi hết thời hạn khai thác theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc có quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được bố trí sử dụng tạm thời có trách nhiệm bàn giao lại tài sản cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công để tiếp tục lập phương án xử lý, khai thác tài sản theo quy định tại Điều này; cơ quan, tổ chức, đơn vị được bố trí sử dụng tạm thời có trách nhiệm bảo đảm tài sản bàn giao lại đang sử dụng, vận hành bình thường.</p> <p>6. Trường hợp cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công là cơ quan trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi thì có thể trình phương án xử lý, khai thác tài sản đồng thời với đề nghị thu hồi tài sản để cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt đồng thời trong một Quyết định.</p> <p>7. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định này sau khi tiếp nhận tài sản thu hồi có trách nhiệm mở sổ theo dõi, hạch toán</p>	<p>Chính phủ thì cả 2 đơn vị Tổ chức phát triển quỹ đất và tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà đều có chức năng cho thuê tài sản do đó, địa phương chưa phân biệt trường hợp nhà, đất thu hồi nào thì giao Trung tâm Phát triển quỹ đất trường hợp nào thì giao Tổ chức có chức năng kinh doanh nhà của địa phương. Để quá trình thực hiện không gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ trường hợp nhà, đất thu hồi nào thì được giao Trung tâm Phát triển quỹ đất trường hợp nào thì được giao Tổ chức có chức năng kinh doanh nhà của địa phương để địa phương căn cứ thực hiện. (Bắc Ninh)</p> <p>Đề nghị sửa cụm từ "<i>phương án khai thác tài sản công</i>" thành "<i>phương án xử lý, khai thác tài sản công</i>". Lý do: Đề quy định rõ thẩm quyền lập, phê duyệt phương án xử lý, khai thác tài sản công (Hà Giang).</p> <p>Đề nghị sửa cụm từ "<i>Phạm vi và hành thức khai thác tài sản công có quyết định thu hồi</i>" thành "<i>Phạm vi và hành thức khai thác tài sản công có quyết định thu hồi nhưng chưa có quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền</i>". Lý do: Chỉ khai thác (hành thức giao sử dụng tạm thời) đối với những tài sản chưa có quyết định xử lý theo các hình thức tại điểm a, b, c, d khoản 4 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. (Hà Giang)</p> <p>Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung về thẩm quyền lập, phê duyệt phương án khai thác tài sản công có quyết định thu hồi lại như sau: <i>"3. Thẩm quyền lập, phê duyệt phương án khai thác tài sản công có quyết định thu hồi: ...</i> <i>b) Sở Tài chính có trách nhiệm lập phương án khai thác tài sản công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.</i> <i>Đối với các trường hợp không thuộc thẩm quyền quyết định thu hồi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh có trách nhiệm lập, phê duyệt phương án khai thác tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định thu</i></p>	<p>hiện của tổ chức phát triển quỹ đất và tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà thì cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản có quyết định thu hồi sẽ quyết định cụ thể việc giao cho đơn vị nào quản lý, khai thác.</p> <p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.</p> <p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.</p> <p>Tại khoản 3 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý, khai thác tài sản có quyết định thu hồi. Vì vậy, đề nghị cho giữ như dự thảo để phù hợp với quy định tại Luật.</p>
--	--	---	---

riêng, tính hao mòn đối với tài sản cố định theo quy định áp dụng với cơ quan nhà nước đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản. Chi phí phát sinh trong quá trình quản lý tài sản thu hồi chưa khai thác, xử lý (chi phí bảo vệ, bảo quản, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản) do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định này chi trả và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công.”

hồi của mình theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh...”

Lý do: Theo Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Do đó, bổ sung nội dung “Cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh có trách nhiệm lập, phê duyệt phương án khai thác tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định thu hồi của mình theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” cho phù hợp với thực tế; Sở Tài chính có trách nhiệm lập phương án khai thác tài sản công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi. **(Ninh Bình)**

Đề nghị căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán; Luật kế toán; Luật kiểm toán độc lập; Luật ngân sách nhà nước; Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Luật quản lý thuế; Luật dự trữ quốc gia được ban hành để dẫn chiếu liên quan đến khoản 4 Điều 41 Luật sửa đổi cho phù hợp. **(Lai Châu)**

Đề nghị bỏ khoản 2, 3, 4, 5 và sửa lại nội dung khoản 1 như sau:

“1. Việc xử lý tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện theo các hình thức quy định tại khoản 4 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

a) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền theo các hình thức quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Riêng văn bản đề nghị xử lý tài sản trong hồ sơ đề nghị xử lý được thay bằng phương án xử lý tài sản thu hồi của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quản lý tài sản thu hồi quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định này; trong đó lý do đề nghị xử lý là xử lý tài sản thu hồi.

b) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý, khai thác tài sản công (bao gồm cả quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Thực tế có những địa phương không có tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà nên không thể áp dụng theo Nghị định số 108/2024/NĐ-CP để tạm bố trí cho cơ quan, tổ chức, đơn vị xử lý tài sản sử dụng. Vì vậy, đề nghị cho giữ như dự thảo để bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương.

Tiếp thu, bổ sung nội dung hướng dẫn xử lý đối với tài sản gắn liền với đất khi thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai được thực hiện theo quy định tại điểm g5 khoản 3 Điều 35a Nghị định này.

với đất) có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền theo hình thức quy định tại điểm d khoản 4 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Việc xử lý đối với tài sản gắn liền với đất khi thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai được thực hiện theo quy định tại điểm g5 khoản 3 Điều 35a Nghị định này.

c) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý, khai thác tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền theo hình thức quy định tại điểm e khoản 4 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

....Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quản lý tài sản thu hồi quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định này sau khi tiếp nhận tài sản thu hồi có trách nhiệm mở sổ theo dõi, hạch toán riêng, tính hao mòn đối với tài sản cố định theo quy định áp dụng với cơ quan nhà nước đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản. Chi phí phát sinh trong quá trình quản lý tài sản thu hồi chưa khai thác, xử lý (chi phí bảo vệ, bảo quản, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản) do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định này chi trả và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quản lý tài sản thu hồi."

Lý do: Để thống nhất và tránh chồng chéo trong quản lý, cụ thể:

- Theo quy định của pháp luật về đất đai: Nhà, đất có quyết định thu hồi theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc quỹ đất giao cho tổ chức phát triển quỹ đất phát triển, quản lý, khai thác (điểm d khoản 1 Điều 113 Luật Đất đai, điểm a khoản 2 Điều 14, khoản 1 Điều 41 Nghị định 102/2024/NĐ-CP) hoặc giao cho tổ chức

		<p>quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý (khoản 4 Điều 5 Nghị định 108/2024/NĐ-CP). Việc giao tạm quản lý trong thời gian chờ thực hiện xử lý nhà, đất hoặc bố trí cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tạm thời (bao gồm các cơ quan trung ương đóng tại địa phương và cơ quan thuộc địa phương quản lý) đã được quy định cụ thể tại Điều 19, Điều 20 Nghị định 108/2024/NĐ-CP. Do đó, việc khai thác theo hình thức tại khoản 2 Điều 19 dự thảo là không phù hợp và chông chéo trong công tác quản lý.</p> <p>- Để thống nhất với nội dung đề xuất sửa đổi tại điểm c khoản 1 Điều 18 về “cơ quan được giao quản lý tài sản thu hồi”. (Thái Bình)</p>	
		<p>Đề nghị xem xét xây dựng dự thảo Nghị định quy định cụ thể về việc xử lý, khai thác tài sản công do thu hồi nhà, đất của đơn vị, tổ chức tự nguyện trả lại nhà, đất cho nhà nước và có quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn có liên quan để các địa phương căn cứ thực hiện. (Yên Bái).</p>	<p>Tại dự thảo Nghị định quy định chung về việc xử lý, khai thác tài sản có quyết định thu hồi (không phân biệt trường hợp thu hồi là do đơn vị, tổ chức tự nguyện trả lại hay do vi phạm bị Nhà nước thu hồi).</p>
		<p>Đề nghị Bộ Tài chính xem xét với nội dung quy định: “Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền theo các hình thức quy định tại điểm e khoản 4 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác” vì tại khoản 4 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 không có điểm e (Thái Nguyên, Hà Nam, Điện Biên, Bộ Quốc phòng).</p>	<p>Tại khoản 4 Điều 5 Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024. Theo đó, điểm e khoản 4 Điều 41 quy định về hình thức giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.</p>
<p>Khoản 2 Điều 1</p>	<p>2. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau: “Điều 23. Trình tự, thủ tục bán tài sản công 1. Cơ quan nhà nước có tài sản công thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản</p>	<p>Đề nghị dự thảo xem xét sửa lại như sau: “Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này xem xét, quyết định bán tài sản công hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị bán không phù hợp và nêu rõ lý do.” (Hoà Bình)</p>	<p>Đề nghị cho giữ như dự thảo để bảo đảm thống nhất với các nội dung hiện hành.</p>

<p>1 Điều 43 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công lập 01 bộ hồ sơ đề nghị bán tài sản công gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này xem xét, quyết định.</p> <p>Hồ sơ đề nghị bán tài sản công gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị bán tài sản công của cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó nêu rõ hình thức tổ chức bán tài sản, việc quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản): 01 bản chính;</p> <p>b) Văn bản đề nghị bán tài sản công của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;</p> <p>c) Danh mục tài sản đề nghị bán (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại; lý do bán): 01 bản chính;</p> <p>d) Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị bán tài sản (nếu có): 01 bản sao.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này xem xét, quyết định bán tài sản công hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị bán không phù hợp.</p> <p>Nội dung chủ yếu của Quyết định bán tài sản công gồm:</p> <p>a) Cơ quan nhà nước có tài sản bán.</p> <p>b) Danh mục tài sản bán (chủng loại, số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do bán).</p> <p>c) Phương thức bán tài sản (trường hợp đã xác định được phương thức bán thì ghi trực tiếp vào Quyết định, trường hợp chưa xác định được phương thức bán thì giao người đứng đầu cơ</p>	<p>- Tại điểm c khoản 2 Điều 23 quy định: "...trường hợp chưa xác định được phương thức bán thì giao người đứng đầu cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quyết định phương thức cụ thể căn cứ vào quy định tại các Điều 24, 26, 27 Nghị định này".</p> <p>- Tại khoản 4 Điều 23 quy định: "Căn cứ Quyết định bán của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công quy định tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bán tài sản theo quy định tại các Điều 24, 25, 26 và 27 Nghị định này". Như vậy, các quy định trên quy định không thống nhất về điều khoản quy định phương thức bán tài sản công. Do vậy, để đảm bảo tính thống nhất của văn bản, đề nghị Ban soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại cho phù hợp. (Bình Định)</p>	<p>Tại Điều 24, 26, 27 Nghị định quy định về cả trường hợp áp dụng phương thức bán và cách thức tổ chức thực hiện việc bán theo từng phương thức. Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính hoàn thiện theo hướng chỉ rõ vào khoản quy định về trường hợp áp dụng phương thức bán tại Điều 24, 26, 27.</p>
	<p>Tại khoản 4 Điều này, đề nghị bổ sung cụm từ "bán tài sản công" vào sau từ "Quyết định" cho rõ nghĩa nội dung quy định. Quy định này sau khi chỉnh sửa là "Quyết định bán tài sản công". (Bình Định)</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.</p>
	<p>Việc dẫn chiếu quy định thủ tục thay đổi hình thức xử lý tài sản do hết thời hạn của Quyết định bán thực hiện theo khoản 5 Điều 25 - xử lý tài sản từ lần thứ hai trở đi tổ chức đấu giá không thành là không cần thiết. Do Khoản 5 Điều 25 quy định đối với trường hợp xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản hoặc có văn bản yêu cầu tổ chức đấu giá lại (sau khi đấu giá không thành). Nội dung này chưa phù hợp với việc hết hiệu lực của Quyết định bán.</p> <p>Do vậy, đối với khoản 4 Điều 23, Sở Tài chính đề xuất điều chỉnh như sau: "4. Căn cứ Quyết định bán của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công quy định tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bán tài sản theo quy định tại các Điều 24, 25, 26 và 27 Nghị định này. Trường hợp hết thời hạn hiệu lực của Quyết định mà chưa hoàn thành việc bán thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định bán để gia hạn Quyết định để tiếp tục thực hiện bán</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.</p>

quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quyết định phương thức cụ thể căn cứ vào quy định tại các Điều 24, 26 và 27 Nghị định này).

d) Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công.

đ) Quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản.

e) Thời hạn hiệu lực của Quyết định (tối đa là 12 tháng, kể từ ngày ban hành Quyết định).

3. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định bán tài sản công quyết định giao cơ quan nhà nước có tài sản công hoặc cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công chịu trách nhiệm tổ chức bán tài sản công.

Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền giao trách nhiệm tổ chức bán tài sản công cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thì thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công tổ chức bán đối với tài sản công do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định bán.

b) Sở Tài chính tổ chức bán đối với tài sản công do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bán.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tổ chức bán đối với tài sản công do Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán.

4. Căn cứ Quyết định bán của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ

(thời gian gia hạn không quá 12 tháng, kể từ ngày có Quyết định gia hạn) hoặc lập hồ sơ đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định hình thức xử lý khác theo quy định tại Nghị định này. (Phụ Thọ)

	<p>chức bán tài sản công quy định tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bán tài sản theo quy định tại các Điều 24, 25, 26 và 27 Nghị định này. Trường hợp hết thời hạn hiệu lực của Quyết định mà chưa hoàn thành việc bán thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định bán để gia hạn Quyết định để tiếp tục thực hiện bán (thời gian gia hạn không quá 12 tháng, kể từ ngày có Quyết định gia hạn) hoặc thực hiện thủ tục thay đổi hình thức xử lý tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định này.</p> <p>5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc bán tài sản, cơ quan nhà nước có tài sản bán hạch toán giảm tài sản; báo cáo kê khai biến động tài sản công theo quy định tại Điều 126, Điều 127 Nghị định này.</p> <p>6. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản công theo hình thức bán được thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 31 Nghị định này.”.</p>		
<p>Khoản 3 Điều 1</p>	<p>3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 24 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau: “Điều 24. Bán tài sản công theo hình thức đấu giá 2. Xác định giá khởi điểm: a) Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này quyết định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá bảo đảm phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tại thời điểm xác định giá. b) Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ</p>	<p>Tại Dự thảo Luật Sửa đổi đã sửa đổi quy định về bán tài sản công, theo đó, hình thức bán không được áp dụng đối với tài sản là đất, nhà, tài sản gắn liền với đất. Do vậy, tại Dự thảo Nghị định đã sửa đổi quy định về bán tài sản công theo hướng bỏ các quy định về xác định giá khởi điểm, nộp tiền bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại Điều 23, Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 1 Dự thảo Nghị định chỉ sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 24 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) mà không sửa đổi khoản 1 Điều 24 là chưa phù hợp. Trong đó, cụ thể là việc chưa bỏ quy định tại khoản 1a - lập phương án đấu giá trụ sở làm việc.</p> <p>Đồng thời, đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định chuyển tiếp đối với trường hợp bán đấu giá trụ sở làm việc</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. Đối với nội dung chuyển tiếp liên quan đến bán trụ sở làm việc, tại Luật số 56/2024/QH15 đã quy định: Đối với tài sản công là đất, tài sản gắn liền với đất tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định bán theo quy định trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành và đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giá khởi điểm, giá bán chỉ định thì được tiếp tục thực hiện bán theo quy định của pháp luật trước ngày</p>

tổ chức bán tài sản thành lập Hội đồng thẩm định giá của Nhà nước theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá xác định giá để làm căn cứ quyết định giá khởi điểm. Việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

c) Giá tài sản được xác định tại khoản này không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

6. Trình tự, thủ tục đấu giá tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Thông tin về việc đấu giá tài sản công được niêm yết, thông báo công khai theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thực hiện giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

Giá bán tài sản công theo hình thức đấu giá là giá trúng đấu giá. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả đấu giá tài sản do tổ chức đấu giá tài sản hoặc Hội đồng đấu giá tài sản chuyển, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thực hiện ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với người trúng đấu giá. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá phải được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định này.

7. Việc thanh toán tiền mua tài sản được thực hiện như sau:

tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ vì khi Dự thảo Luật sửa đổi và Dự thảo Nghị định có hiệu lực thì không còn quy định về việc xác định giá khởi điểm bán trụ sở làm việc; do vậy không có căn cứ để tổ chức xác định giá khởi điểm nếu tiếp tục thực hiện theo phương án bán đấu giá (sau 02 lần đấu giá không thành). *(Phụ Thọ)*

Đề nghị điều chỉnh một số cụm từ tại khoản 6 Điều 24 được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 của dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Nội dung điều chỉnh như sau: "6... Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thực hiện giám sát quá trình tổ chức phiên đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Giá bán tài sản công theo hình thức đấu giá là giá trúng đấu giá. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả đấu giá tài sản do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản hoặc...". *(Bình Định)*

Luật này có hiệu lực thi hành. Vì vậy, có thể áp dụng quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP để xác định giá khởi điểm bán trụ sở làm việc nếu tiếp tục thực hiện theo phương án bán đấu giá (sau 02 lần đấu giá không thành)

Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định

	<p>a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, người trúng đấu giá có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.</p> <p>d) Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm a khoản này mà người trúng đấu giá chưa thanh toán đủ số tiền mua tài sản thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thực hiện hủy bỏ Hợp đồng đã ký kết và người trúng đấu giá không được nhận lại số tiền tương ứng với khoản tiền đặt cọc.</p> <p>Thời hạn nộp tiền cụ thể và quy định về việc hủy bỏ Hợp đồng phải được ghi rõ tại Quy chế bán đấu giá, Hợp đồng mua bán tài sản.</p> <p>Trường hợp đã ký Hợp đồng mua bán tài sản hoặc thanh toán tiền mua tài sản nhưng sau đó người mua tài sản không mua nữa thì được xử lý theo Hợp đồng ký kết và pháp luật về dân sự.</p> <p>8. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản công cho người mua theo quy định. Việc giao tài sản cho người mua được thực hiện tại nơi có tài sản sau khi người mua đã hoàn thành việc thanh toán.”.</p>		
<p>Khoản 4 Điều 1 .</p>		<p>Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu trình bày nội dung “<i>Vật tư, vật liệu thu hồi từ việc phá dỡ, hủy bỏ quy định tại điểm a khoản 3, khoản 4 Điều này được xử lý theo quy định tại Điều 10a Nghị định này.</i>” tại khoản 4 và khoản 5 Điều 1 vào Điều khoản phù hợp (<i>Hoà Bình</i>).</p>	<p>Do nội dung về xử lý vật tư, vật liệu thu hồi đã được quy định cụ thể tại Điều 10a, đồng thời phù hợp với nội dung tại Luật sửa đổi; vì vậy, đề nghị cho thực hiện dẫn</p>

Khoản 5 Điều 1	<p>4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 30 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP), bổ sung khoản 5 Điều 30 như sau:</p> <p>“Điều 30. Tổ chức thanh lý tài sản công theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ</p> <p>3. Trường hợp thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản được thực hiện như sau:</p> <p>a) Trường hợp thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản thì việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</p> <p>b) Trường hợp kết hợp việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản với việc bán vật tư, vật liệu thu hồi thì áp dụng hình thức đấu thầu trong trường hợp dự kiến chi phí phá dỡ, hủy bỏ lớn hơn giá trị dự kiến của vật tư, vật liệu thu hồi; áp dụng hình thức đấu giá trong trường hợp dự kiến chi phí phá dỡ, hủy bỏ nhỏ hơn giá trị dự kiến của vật tư, vật liệu thu hồi. Giá trị dự kiến của vật tư, vật liệu thu hồi được xác định theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định này.</p> <p>Tổ chức, cá nhân được lựa chọn thông qua đấu thầu, đấu giá thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản kết hợp với việc bán vật tư, vật liệu thu hồi được thực hiện thanh toán bù trừ chi phí phá dỡ và giá trị vật tư, vật liệu thu hồi sau phá dỡ trên cơ sở kết quả đấu thầu, đấu giá.</p> <p>4. Trường hợp cơ quan nhà nước có tài sản thanh lý tự thực hiện phá dỡ, hủy bỏ tài sản, người đứng đầu cơ quan nhà nước có tài sản quyết định</p>	<p>Đề nghị xem xét quy định cụ thể việc xác định giá trị tài sản là vật tư, vật liệu thu hồi từ việc phá dỡ, hủy bỏ để xác định thẩm quyền quyết định việc thanh lý tài sản công (lý do, tại địa phương việc xác định thẩm quyền quyết định xử lý tài sản tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 căn cứ trên cơ sở nguyên giá theo sổ sách kế toán của tài công, tuy nhiên đối với vật tư, vật liệu thu hồi từ việc phá dỡ, hủy bỏ sẽ rất khó khăn trong việc xác định nguyên giá của tài sản cần xử lý) <i>(Thái Nguyên)</i>.</p>	<p>chiều như tại dự thảo để tránh việc quy định trùng lặp lại.</p> <p>Theo quy định tại Điều 31 Nghị định thì việc bán vật tư, vật liệu thu hồi từ thanh lý tài sản được căn cứ vào giá trị của vật tư, vật liệu (không căn cứ vào nguyên giá của tài sản); việc xác định giá trị vật tư, vật liệu thu hồi được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24.</p>
----------------	--	---	--

	<p>thành lập Hội đồng thanh lý để thực hiện phá dỡ, hủy bỏ tài sản. Hội đồng thanh lý do lãnh đạo cơ quan nhà nước có tài sản thanh lý làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên là đại diện bộ phận kế toán, đại diện bộ phận sử dụng tài sản, đại diện công đoàn và các thành viên khác (nếu cần). Việc phá dỡ, hủy bỏ được lập thành Biên bản.</p> <p>5. <i>Vật tư, vật liệu thu hồi từ việc phá dỡ, hủy bỏ quy định tại điểm a khoản 3, khoản 4 Điều này được xử lý theo quy định tại Điều 10a Nghị định này.</i></p>		
<p>Khoản 6 Điều 1</p>	<p>5. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3 Điều 35a (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau:</p> <p>“Điều 35a. Chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý</p> <p>3. Trình tự, thủ tục quyết định chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện như sau:</p> <p>g) Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể đề tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:</p> <p>g1) Trường hợp giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;</p> <p>g2) Trường hợp giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh</p>	<p>Đề nghị bỏ điểm g5 và sửa lại nội dung tại điểm g6 thành điểm g5, điểm g7 thành điểm g6 như sau:</p> <p><i>“g5) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.</i></p> <p><i>Việc xử lý đối với tài sản gắn liền với đất khi thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai được thực hiện như sau: Căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản gắn liền với đất, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại <u>điểm g6</u> khoản này báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định việc bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất hoặc phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất. Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này <u>tổ chức phát triển quỹ đất được giao quản lý, khai thác tài sản công</u> thực hiện xác định giá bán tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này; giá bán tài sản trên đất phải được ghi vào phương án đấu giá quyền sử dụng đất. Trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này <u>tổ chức phát triển quỹ đất</u></i></p>	<p>Đề nghị cho giữ điểm g5 để thuận lợi cho địa phương trong việc áp dụng; trong trường hợp cần thiết cơ quan tài nguyên và môi trường có thể tham mưu để thực hiện giao đất, cho thuê đất ngay theo pháp luật về đất đai mà không phải thông qua bước trung gian là giao tổ chức phát triển quỹ đất sau đó tổ chức phát triển quỹ đất mới báo cáo cấp có thẩm quyền về việc giao đất, cho thuê đất.</p> <p>Tiếp thu, bổ sung nội dung về xử lý tài sản trên đất trong trường hợp giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác.</p>

doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;

g3) Trường hợp nhà, đất đã bố trí làm nhà ở trước ngày 19 tháng 01 năm 2007 thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan;

g4) Trường hợp nhà, đất đã bố trí làm nhà ở kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2007 thì được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về nhà ở, nếu Nhà nước không còn nhu cầu sử dụng thì thực hiện xử lý như sau:

Trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì bán cho người đang sử dụng nhà, đất; việc xác định giá bán được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 71 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi bán cho người đang sử dụng nhà, đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

Trường hợp không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất của người đang sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai. Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong trường hợp này (nếu có) thực hiện theo quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

g5) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Đối với tài sản gắn liền với đất, căn cứ tình hình

được giao quản lý, khai thác tài sản công thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ theo quy định tại Điều 30 Nghị định này.

g6) Cơ quan chuyên môn về tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm g1, điểm g2 khoản này. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm g3 khoản này. Cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại các điểm g4, g5 khoản này. ”.

Lý do:

- Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 113 Luật Đất đai năm 2024 thì UBND tỉnh giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác quỹ đất được hình thành từ đất chuyên giao về địa phương quản lý, xử lý và đất thu hồi do sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 217 Luật Đất đai năm 2024 thì đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý không bao gồm quỹ đất được hình thành từ đất chuyên giao về địa phương quản lý, xử lý và đất thu hồi do sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Việc xử lý thực hiện giao đất, cho thuê đất trực tiếp mà không thông qua việc giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác đối với nhà, đất chuyên giao về địa phương quản lý, xử lý và nhà, đất thu hồi do sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công là không phù hợp về việc giao quản lý quỹ đất và trình tự giao đất, cho thuê đất theo pháp luật về đất đai.

Do đó, đề nghị bỏ điểm g5 dự thảo “...Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai ...” và bổ sung quy định về việc xử lý đối với tài sản gắn liền với đất khi thực hiện giao đất, cho

	<p>thực tế và thực trạng của tài sản gắn liền với đất, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định việc bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất hoặc phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất. Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này xác định giá bán tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này; giá bán tài sản trên đất phải được ghi vào phương án đấu giá quyền sử dụng đất. Trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ theo quy định tại Điều 30 Nghị định này.</p> <p>g6) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>g7) Cơ quan chuyên môn về tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm g1, điểm g2 khoản này. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm g3 khoản này. Cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại các điểm g4, g5, g6 khoản này.”</p>	<p>thuê đất đối với tài sản công là nhà, đất chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý và nhà, đất thu hồi do sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã được UBND tỉnh giao cho tổ chức phát triển quỹ đất để phát triển, quản lý, khai thác cho phù hợp với tình huống phát sinh trong thực tiễn (khi thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với quỹ nhà, đất là tài sản công đã giao cho tổ chức phát triển quỹ đất thì đặt ra yêu cầu cần thiết phải giải quyết về xử lý tài sản trên đất) (Thái Bình).</p> <p>Dự thảo Luật sửa đổi bổ sung hình Dự thảo Luật sửa đổi đã bổ sung hình thức “<u>Giao Tổ chức phát triển quỹ đất phát triển, quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật về đất đai</u>” khi xử lý tài sản công có quyết định thu hồi. Để đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa Luật và các Nghị định quy định chi tiết, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu quy định cụ thể (có/không) bổ sung cụm từ “phát triển” đối với quy định tại tiết g6 Dự thảo Nghị định “(g6) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai” (Phú Thọ)</p> <p>Tại khoản 3 Điều 1 Dự thảo đã sửa đổi khoản 2 Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐCP), theo hướng bỏ quy định về xác định giá khởi điểm bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, chỉ quy định về xác định giá khởi điểm bán các tài sản công khác (không phải là đất, nhà, tài sản gắn liền với đất). Do vậy, tại tiết g5 Dự thảo dẫn chiếu đối với trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất (theo pháp luật về đất đai) thì xác định giá bán tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2 Điều 24 là chưa phù hợp. Đồng thời, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể về việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trong trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất. (Phú Thọ)</p> <p>Sửa nội dung tại điểm g5 khoản 3 Điều 35a của Dự thảo</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định để thống nhất với Luật.</p> <p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.</p> <p>Đề nghị cho giữ như dự thảo vì</p>
--	--	---	--

Nghị định như sau: "Đối với tài sản gắn liền với đất, căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản gắn liền với đất, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định bán đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hoặc phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi quyết định giao đất, cho thuê đất. Trường hợp bán đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này xác định giá bán tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này; Giá bán tài sản trên đất phải được đưa vào phương án đấu giá quyền sử dụng đất. Trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi quyết định giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ theo quy định tại Điều 30 Nghị định này" (Gia Lai)

quy định của pháp luật về đất đai không có bán đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà chỉ có quy định giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá.

Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để thống nhất với dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất như sau:

Tiếp thu, hoàn thiện để quy định thống nhất giữa 02 Nghị định.

"Điều 35a. Chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý 2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý: ... c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý về các cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổ chức Phát triển quỹ đất, Tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý, xử lý." (Ninh Bình)

Đề nghị quy định cụ thể việc chuyển giao tài sản công là cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị về địa phương quản lý, xử lý phải căn cứ vào phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (Khánh Hòa).

Theo quy định tại Nghị định 114/2024/NĐ-CP thì trong trường hợp đã được phê duyệt phương án giữ lại tiếp tục sử dụng theo Nghị định về sắp xếp lại, xử lý tài sản

			<p>công mà đơn vị đề xuất chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì không phải làm thủ tục thay đổi phương án sắp xếp lại. Trong trường hợp này việc chuyển giao không thể căn cứ vào phương án sắp xếp lại. Vì vậy, đề nghị cho giữ như dự thảo.</p>
		<p>Đề nghị xem xét xây dựng dự thảo Nghị định quy định cụ thể về việc quản lý, khai thác đối với tài sản gắn liền với đất được chuyển giao để cơ quan phát triển quỹ đất làm căn cứ thực hiện. <i>(Yên Bái)</i>.</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.</p>
		<p>Đề nghị xem xét, cân nhắc để chỉnh sửa một số cụm từ: điểm g4 “trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất” chỉnh sửa thành “trường hợp <i>đủ điều kiện</i> cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất”; điểm g5 “tài sản gắn liền với đất” chỉnh sửa thành “tài sản trên đất” <i>(Thanh tra Chính phủ)</i>.</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.</p>
		<p>Đề nghị bổ sung cụm từ “Điều 28, Điều 29 và” và sửa thành: “Trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm g7 khoản này thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ theo quy định tại “Điều 28, 29 và” Điều 30 Nghị định này”. Lý do: “Điều 30. Tổ chức thanh lý tài sản công theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ” chỉ quy định cách thức thực hiện và các hình thức phá dỡ hủy bỏ tài sản; Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thanh lý tài sản được quy định tại Điều 28, 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và khoản 20, khoản 21 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ <i>(Thừa Thiên Huế)</i>.</p>	<p>Đề nghị cho giữ như dự thảo vì trong trường hợp này đã quy định cơ quan, người có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất quyết định việc phá dỡ, hủy bỏ trước khi giao đất, cho thuê đất.</p>
Khoản 7 Điều 1	<p>6. Sửa đổi Điều 44 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 40 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) như sau: “Điều 44. Đề án sử dụng tài sản công tại đơn</p>	<p>Đề nghị quy định cụ thể cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án theo quy định tại Điều 56,57,58 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công để các đơn vị sự nghiệp công lập (cấp tỉnh, cấp huyện) có cơ sở lập Đề án, trình cấp có thẩm quyền xem</p>	<p>Tại Điều 56,57,58 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, HĐND cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm</p>

vi sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm lập đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo Mẫu số 02/TSC-ĐA ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án xem xét, phê duyệt.

Hồ sơ trình cơ quan người có thẩm quyền phê duyệt Đề án gồm:

- a) Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án của đơn vị sự nghiệp công lập: 01 bản chính;
- b) Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) về Đề án: 01 bản chính;
- c) Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị: 01 bản chính;
- d) Văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị: 01 bản sao;
- đ) Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

Trường hợp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào các mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết là cùng một cơ quan, người có thẩm quyền thì đơn vị sự nghiệp công lập lập một (01) Đề án sử dụng tài sản công vào nhiều mục đích để báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án xem xét, phê duyệt. Trường hợp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào các mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết là không cùng một cơ quan, người có thẩm quyền thì đơn vị sự nghiệp công lập lập Đề

xét, phê duyệt theo đúng thẩm quyền (*Thanh Hoá*).

Khoản 4 Điều 44 đề nghị bổ sung thêm khoản vào sau từ “tại” trong nội dung “được thực hiện theo quy định tại Điều này” để cho cụ thể, dễ thực hiện (*Hà Nam*)

Tại khoản 2 Điều này: đề nghị bỏ cụm từ “khoản 2” tại nội dung “Trường hợp Đề án cần phải hoàn thiện thì đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thiện Đề án và thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này” (*Khánh Hoà, Hà Nam, Bình Định*).

- Tại khoản 1 Điều này: đề nghị điều chỉnh cụm từ “Đề án sử dụng tài sản công vào nhiều mục đích” thành “Đề án sử dụng tài sản công vào các mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (nhiều mục đích)” để đồng bộ với nội dung quy định “Trường hợp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào các mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết” (*Khánh Hoà*).

quyền quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết. Vì vậy, cấp có thẩm quyền được xác định theo phân cấp của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, HĐND cấp tỉnh.

Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Đề nghị cho giữ như dự thảo để bảo đảm đầy đủ quy định về thủ tục phê duyệt Đề án làm cơ sở cho đơn vị thực hiện.

Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

án sử dụng tài sản công vào từng mục đích để báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án xem xét, phê duyệt.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt đề án quyết định phê duyệt đề án theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp đơn vị trong trường hợp Đề án cần phải hoàn thiện hoặc không phê duyệt đề án.

Trường hợp Đề án cần phải hoàn thiện thì đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thiện Đề án và thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

3. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án gồm:

a) Tên đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

b) Danh mục tài sản được sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

c) Thời hạn thực hiện đề án (thời gian Đề án có hiệu lực).

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Sau khi Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt mà đơn vị phát sinh các tài sản khác sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết thì việc lập, có ý kiến, trình, phê duyệt Đề án sử dụng tài sản đó vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được thực hiện theo quy định tại Điều này.

5. Trường hợp các đơn vị sự nghiệp công lập cùng có nhu cầu sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết với nhau nhằm cung cấp dịch vụ

	<p>công thi các đơn vị sự nghiệp công lập cùng lập một Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết. Trên cơ sở đó, các bên tham gia liên doanh, liên kết báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo thẩm quyền và trình tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này làm cơ sở thực hiện, không phải tổ chức lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Nghị định này.”</p>		
<p>Điều 2</p>	<p>c) Thay thế cụm từ “Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công” thành “Cơ quan, đơn vị được bộ, cơ quan trung ương giao nhiệm vụ” tại điểm a khoản 1 Điều 36 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).</p>	<p>Nghiên cứu bổ sung thêm như sau: “Cơ quan, đơn vị được bộ, cơ quan trung ương giao nhiệm vụ <u>xử lý tài sản công</u>” (<i>Nghệ An</i>).</p>	<p>Việc giao các cơ quan được giao nhiệm vụ xử lý tài sản công làm chủ tài khoản tạm giữ sẽ phát sinh việc mở tài khoản tạm giữ ở nhiều cơ quan, khó kiểm soát số tiền thu được từ xử lý tài sản công. Vì vậy, đề nghị cho giữ như dự thảo.</p>
		<p>Đề nghị rà soát, bổ sung nội dung thay thế từ ngữ “<i>Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công</i>” thành “<i>Cơ quan, đơn vị được bộ, cơ quan trung ương giao nhiệm vụ</i>” (<i>Bình Định</i>)</p>	<p>Tiếp thu, đưa lên thành nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 36 (không phải thay thế từ ngữ).</p>
<p>Điều 3</p>	<p>Bổ sung thêm một số khoản sửa đổi, bổ sung quy định hình thức chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng về địa phương để quản lý, xử lý, đặc biệt là đối với các loại tài sản kết cấu hạ tầng</p>	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung thêm một số khoản sửa đổi, bổ sung quy định hình thức chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng về địa phương để quản lý, xử lý, đặc biệt là đối với các loại tài sản kết cấu hạ tầng chưa có Nghị định quy định chi tiết như tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa, hạ tầng đô thị, hạ tầng văn hóa, hạ tầng khu công nghiệp, xử lý nước thải..v.v.</p> <p>Lý do: Tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công 2017 chưa quy định hình thức chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng về địa phương để quản lý, xử lý. Theo đó, đối với các loại tài sản kết cấu hạ tầng chưa có Nghị định điều chỉnh thì không có cơ sở pháp lý để thực hiện xử lý theo hình thức này. Đồng thời, tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung trình tự, thủ tục, hình thức xử lý đối với trường hợp chuyển giao</p>	<p>Việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.</p>

		<p>tài sản công về địa phương để quản lý, xử lý đối với các tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hình thức xử lý tương tự đối với các loại tài sản kết cấu hạ tầng, đặc biệt là đối với một số loại tài sản kết cấu hạ tầng chưa có Nghị định của Chính phủ điều chỉnh (tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa, đô thị, xử lý nước thải, hạ tầng khu công nghiệp..v.v.) để các địa phương có cơ sở thực hiện. Thực tiễn quá trình thu hút đầu tư các dự án để phát triển kinh tế xã hội, một số địa phương trong đó có Nghệ An đã gặp phải một số khó khăn, vướng mắc khi trong phạm vi đề xuất dự án đầu tư có các loại tài sản kết cấu hạ tầng như giao thông, thủy lợi, xử lý nước thải, xử lý chất thải..v.v. được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước. Trong đó, một số loại tài sản không còn giá trị sử dụng, không phù hợp với quy hoạch thì có thể thanh lý theo hình thức phá dỡ; đối với các trường hợp thu hồi đất theo Luật Đất đai thì thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về đất đai. Tuy nhiên, có những trường hợp các loại tài sản kết cấu hạ tầng vẫn còn giá trị sử dụng, nhà đầu tư thực hiện dự án có thể cải tạo, nâng cấp để phục vụ cho quá trình đầu tư thực hiện Dự án. Khi đó, việc áp dụng hình thức bán tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức bán đấu giá sẽ dẫn đến vướng mắc khi người trúng đấu giá không phải là nhà đầu tư thực hiện dự án, còn trường hợp áp dụng hình thức thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng theo Luật quản lý, sử dụng tài sản công, hoặc thu hồi đất theo pháp luật về đất đai sẽ có khả năng gây lãng phí tài sản. Vì vậy, việc bổ sung hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai, trong đó có quy định chi tiết việc bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép phá dỡ, hủy bỏ tùy theo tình hình, hiện trạng thực tế của tài sản kết cấu hạ tầng là cần thiết.(Nghệ An).</p>	
<p>Khoản 2 Điều 3</p>	<p>Điều 3. Áp dụng thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công tại các Văn bản quy định chi tiết</p>	<p>Tại khoản 2 Điều 3 Dự thảo quy định: 2. Trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này thì</p>	<p>Tiếp thu, rà soát để phù hợp với Luật.</p>

	<p>thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công</p> <p>2. Trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này thì thẩm quyền quyết định xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16, khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách Nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2024 (sau đây gọi là Luật sửa đổi, bổ sung)) và điểm a khoản 3 Điều 10 Luật sửa đổi, bổ sung.</p>	<p>thẩm quyền quyết định xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16, khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017...”. Tuy nhiên, tại Điều 16 Dự thảo Luật sửa đổi hợp nhất chỉ có 02 khoản, không có khoản 3. <i>(Phú Thọ)</i></p>	
<p>Khoản 1 Điều 4</p>	<p>1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:</p> <p>“b) Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 26 Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017 (được sửa đổi bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo tại đơn vị.”.</p>	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét cụm từ “<i>cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 26...</i>” để tránh gây hiểu nhầm thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức là Bộ, cơ quan Trung ương, UBND cấp tỉnh; đề nghị sửa đổi thành “<i>cơ quan, người được quy định thẩm quyền theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 26...</i>”. <i>(Thái Bình, Sơn La)</i>.</p>	<p>Dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến được xây dựng trên cơ sở dự thảo Luật Chính phủ đã trình Quốc hội, trong đó, có nội dung sửa quy định thẩm quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công từ “phân cấp thẩm quyền” thành “quy định thẩm quyền”. Tuy nhiên, tại Luật sửa đổi được Quốc hội thông qua thì nội dung này được thể hiện theo hướng HĐND cấp tỉnh “phân cấp thẩm quyền” đồng thời làm rõ và mở rộng phạm vi HĐND cấp tỉnh được phân cấp thẩm quyền để phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Vì vậy, Bộ Tài chính rà soát để hoàn thiện các quy định về thẩm quyền tại dự thảo theo hướng: bỏ các nội dung quy định về áp dụng thẩm quyền quyết</p>

		<p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:</p> <p>“3. Diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo): cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 26 Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017 (được sửa đổi bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp tại đơn vị.”</p>		<p>định xử lý tài sản công tại các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công tại Điều 3 dự thảo; bỏ các nội dung sửa đổi Nghị định số 152/2017/NĐ-CP (do nội dung này không được sửa đổi tại Luật sửa đổi), Nghị định số 45/2018/NĐ-CP (để đưa vào sửa đổi thống nhất tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2018/NĐ-CP), Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg (để phù hợp với thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật)</p>
Điểm Khoản Điều 4	a 4	<p>4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:</p> <p>“1. Trường hợp giá máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến có biến động tăng, việc điều chỉnh mức giá được quy định như sau:</p> <p>a) Cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8 Nghị định này xem xét, quyết định đối với trường hợp giá mua máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cao hơn không quá 10% so với mức giá quy định tại Quyết định này;</p> <p>b) Trường hợp cần thiết trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến có giá cao hơn từ trên 10% đến không quá 20% so với mức giá quy định tại Quyết định này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.”</p>	<p>Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu xác định các trường hợp cần thiết trang bị máy móc, thiết bị áp dụng quy định trên nhằm đảm bảo thống nhất trong thực tiễn (<i>Hoà Bình</i>).</p> <p>Đề xác định cụ thể thẩm quyền điều chỉnh mức giá, đề nghị điều chỉnh nội dung: “a) Cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8 Quyết định này” thành “a) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị theo quy định tại Điều 8 Quyết định này”. (<i>Khánh Hoà</i>)</p>	
Điểm khoản	b 4	<p>4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 8 Quyết định số</p>	<p>Đề nghị sửa đổi như sau:</p> <p>“b) Sửa đổi điểm b, bổ sung điểm c, điểm, d khoản 1 Điều</p>	

<p>Điều 4</p>	<p>50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị:</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 8 như sau:</p> <p>“b) Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 26 Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017 (được sửa đổi bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung) ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị.”</p>	<p>8 như sau:</p> <p>“b) Cơ quan, người được Bộ, cơ quan trung ương quy định thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung) ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>c) Cơ quan, người được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung) ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.</p> <p>d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị.”</p> <p>Lý do: Đề nghị sửa đổi lại câu từ, bỏ cụm tương tự dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 29/2028/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ, nhằm quy định rõ ràng, tránh việc gây hiểu nhầm là “Bộ, cơ quan trung ương/UBND tỉnh” ban hành tiêu chuẩn định mức. (Sơn La)</p>	
<p>Điểm khoản Điều 4</p>	<p>c 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị:</p> <p>c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 8 như sau:</p> <p>“b) Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 26 Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017 (được sửa đổi bổ sung tại</p>	<p>Đề nghị sửa đổi như sau:</p> <p>“c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 8 như sau:</p> <p>“b) Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo tại điểm a khoản này:</p> <p>b1) Cơ quan, người được Bộ, cơ quan trung ương quy định thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung) ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị</p>	

	<p>điểm a khoản 3 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung) ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị.”</p>	<p><i>thuộc phạm vi quản lý</i></p> <p><i>b2) Cơ quan, người được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung) ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i></p> <p><i>b3) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị.”</i></p> <p>Lý do: Đề nghị sửa đổi lại câu từ, bố cục tương tự dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 29/2028/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ, nhằm quy định rõ ràng, tránh việc gây hiểu nhầm là “Bộ, cơ quan trung ương/UBND tỉnh” ban hành tiêu chuẩn định mức. <i>(Sơn La)</i></p>	
<p>Khoản 5 Điều 4</p>	<p>5. Thay thế cụm từ “theo phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” thành “theo quy định về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” tại điểm đ khoản 5 Điều 13, điểm đ khoản 3 Điều 14, điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; cụm từ “quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định” thành “quyết định” tại điểm c khoản 2 Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ; cụm từ “ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành” thành “quy định thẩm quyền ban hành” tại khoản 3 Điều 10 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg;</p>	<p>Đề nghị sửa đổi như sau:</p> <p><i>“5. Thay thế các cụm từ:</i></p> <p><i>a) Cụm từ “theo phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” bằng cụm từ “theo quy định về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” tại điểm đ khoản 5 Điều 13, điểm đ khoản 3 Điều 14, điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;</i></p> <p><i>b) Cụm từ “phân cấp” bằng cụm từ “quy định” tại khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 25 Nghị định số 43/2018/NĐ-CP; khoản 2 Điều 20 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP; khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP; khoản 3 Điều 9, khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP; khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP; điểm c khoản 2 Điều 21; điểm d khoản 2 Điều 22, Nghị định số 44/2024/NĐ-CP;</i></p> <p><i>c) Cụm từ “quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm</i></p>	

		<p><i>quyền quyết định” bằng cụm từ “quyết định” tại điểm c khoản 2 Điều 23, Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.</i></p> <p><i>d) Cụm từ “ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành” bằng cụm từ “quy định thẩm quyền ban hành” tại khoản 3 Điều 10 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg;”</i></p> <p>Lý do đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo khoản 3, Điều 10, Luật sửa đổi, bổ sung: “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quy định thẩm quyền quyết định trong mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý tài sản theo quy định tại Luật này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành. Trong thời gian Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành quy định thẩm quyền quyết định trong mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý tài sản theo quy định tại Luật này thì việc quyết định được thực hiện theo thẩm quyền đã được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp.” - Trường hợp bỏ quy định UBND tỉnh quy định thẩm quyền, để chuyển thành HĐND tỉnh quy định như dự thảo, thì không đảm bảo hiệu lực của văn bản theo quy định tại khoản 3, Điều 10, Luật sửa đổi, bổ sung nêu trên, do các nội dung trên hiện nay do UBND tỉnh quy định thẩm quyền, không có quy định thẩm quyền của HĐND tỉnh. Mặt khác, việc giữ quy định “UBND tỉnh quy định thẩm quyền” (<i>chỉ thay thế cụm từ “phân cấp” bằng cụm từ “quy định”</i>), là phù hợp với quy định tại Điều 18, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; đồng thời đảm bảo các địa phương có thời gian rà soát lại văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh và không bị đứt quãng thời gian quy định thẩm quyền xử lý tài sản công. (<i>Sơn La</i>) 	
Khoản 7 Điều 4	7. Bãi bỏ các điều, khoản sau đây: a) Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP; b) Khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 25 Nghị định	Đề nghị bổ sung quy định bãi bỏ khoản 1a Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (được bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ) do dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy	

	<p>số 43/2018/NĐ-CP; c) Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP; d) Khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP; d) Khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP; e) Khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP; g) Điểm c khoản 2 Điều 21; điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.</p>	<p>định hình thức bán không được áp dụng đối với tài sản là nhà, đất, tài sản gắn liền với đất. <i>(Khánh Hòa)</i></p> <p>Đề nghị sửa đổi khoản 7, Điều 4, dự thảo Nghị định như sau:</p> <p><i>"7. Bãi bỏ Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP"</i></p> <p>Lý do đề nghị: Các nội dung tại khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 25 Nghị định số 43/2018/NĐ-CP; Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP; khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP; khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP; khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP; điểm c khoản 2 Điều 21, điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP đã được Sở Tài chính tỉnh Sơn La đề xuất thay thế cụm từ "<i>phân cấp</i>" bằng cụm từ "<i>quy định</i>" tại điểm 2.3 công văn này. <i>(Sơn La)</i></p>	
<p>Khoản 8 Điều 4</p>		<p>Đề nghị bổ sung khoản 8 Điều 4 dự thảo Nghị định như sau:</p> <p><i>"8. Sửa đổi điểm a, khoản 2 Điều 10, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ, như sau:</i></p> <p><i>"2. Việc cho thuê nhà được thực hiện theo phương thức niêm yết giá đối với các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Cho các đối tượng ưu tiên thuê nhà; đối tượng ưu tiên gồm:</i></p> <p><i><u>Tổ chức hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ</u> theo quy định của pháp luật về hội thuê để làm trụ sở làm việc trong trường hợp chưa có trụ sở làm việc;</i></p> <p><i>Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thuộc danh mục chi tiết các loại hình và đáp ứng tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quyết định."</i></p> <p>Lý do đề nghị:</p>	

		<p>- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, có hiệu lực thi hành từ ngày 26/11/2024 và thay thế thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ; trong đó, Chính phủ không còn quy định về “Tổ chức hội có tính chất đặc thù”; mà quy định danh sách “hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ” và chính sách của Nhà nước với “hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ”.</p> <p>- Do đó, cần thiết sửa đổi câu chữ tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP, để địa phương có cơ sở ban hành và thực hiện chính sách miễn, giảm tiền thuê nhà cho tổ chức các hội. <i>(Sơn La)</i></p>	
Điều 4		<p>Đề nghị bổ sung vào Điều 4 dự thảo Nghị định nội dung: thay thế cụm từ “Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định” tại điểm d khoản 2 Điều 8 và điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 9 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP thành “Quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định”. <i>(Bắc Ninh)</i></p>	
Bản thuyết minh	<p>Tại mục 7 phần II bản thuyết minh chi tiết có nêu nội dung sửa đổi “Giao Bộ Tài chính hướng dẫn việc lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết khi sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp vào mục đích liên doanh, liên kết để triển khai thực hiện thống nhất”.</p>	<p>Qua rà soát nội dung tại dự thảo chưa có nội dung giao “Bộ Tài chính hướng dẫn việc lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết”. <i>(Thái Bình)</i></p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.</p>
Các nội dung khác	<p>Tại khoản 2 Điều 21 Nghị định 151/2017/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 114/2024/NĐ-CP có nội dung quy định: “<i>Trường hợp việc điều chuyển tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định</i>”</p>	<p>Đề nghị xem xét với nội dung quy định trên, do tại Nghị định 114/2024/NĐ-CP đã có các nội dung sửa đổi thay thế các cụm từ “<i>Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định</i>” bằng cụm từ “<i>Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định</i>”. Như vậy, theo quy định tại Nghị định 114/2024/NĐ-CP Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thực hiện quy định thẩm quyền quyết định không thực hiện quyết định <i>(Thái Nguyên)</i>.</p>	<p>Rà soát để hoàn thiện các quy định về thẩm quyền phù hợp với quy định về thẩm quyền tại Luật số 56/2024/NĐ-CP.</p>
	<p>Tại khoản 6 Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 21 Điều 1</p>	<p>Trong thực tế triển khai thực hiện, thì gặp khó khăn, vướng mắc do Cơ quan nhà nước có tài sản đồng thời là Chủ đầu</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.</p>

Nghị định số 114/2024/NĐ-CP), quy định:

“Điều 29. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản công

6. Trường hợp phải phá dỡ, hủy bỏ tài sản để thực hiện dự án đầu tư theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc để giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất thì cơ quan nhà nước có tài sản không phải thực hiện thủ tục báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công theo quy định tại Điều này; cơ quan nhà nước có tài sản có trách nhiệm bàn giao tài sản phải phá dỡ, hủy bỏ cho Ban Quản lý dự án/Chủ đầu tư thực hiện dự án, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc bàn giao được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01/ISC-BBGN ban hành kèm theo 2 Nghị định này; căn cứ Biên bản bàn giao tài sản, cơ quan nhà nước có tài sản thực hiện hạch toán giảm tài sản theo quy định. Trường hợp thực hiện dự án đầu tư để xây dựng trụ sở làm việc thì Ban Quản lý dự án/Chủ đầu tư thực hiện dự án có trách nhiệm phá dỡ, hủy bỏ tài sản để thực hiện dự án và xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, hủy bỏ theo quy định; trường hợp giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về đất đai.”

Điểm g khoản 2 Điều 3 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ, cụ thể:

“g) Đối với tài sản mà cơ quan, tổ chức, đơn vị đã hạch toán, quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì không phải thực hiện thủ tục để báo

tr thực hiện dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, đề nghị cân nhắc việc rà soát, nghiên cứu bổ sung nội dung hướng dẫn thực hiện trình tự, thủ tục bàn giao tài sản thuộc trường hợp phải phá dỡ, hủy bỏ tài sản để thực hiện dự án đầu tư theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt trong trường hợp “Cơ quan nhà nước có tài sản” đồng thời là “Chủ đầu tư thực hiện dự án” được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (**Đồng Nai**).

Đề nghị chỉnh sửa thành “g) Đối với tài sản mà cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tiếp nhận, hạch toán, quản lý, sử dụng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì không phải thực hiện thủ tục để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển tài sản theo quy định tại Nghị định này. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp tục thực hiện hạch toán, quản lý, sử dụng tài sản theo

Đối với tài sản là kết quả của dự án thì được xử lý theo quy định tại Điều 93 Nghị định này. Vì vậy, không thuộc trường hợp chuyển tiếp tại điểm g khoản 2 Điều 3 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao tài sản theo quy định tại Nghị định này. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thực hiện hạch toán, quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định của pháp luật”.

đúng quy định của pháp luật”.

Lý do: Hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có phát sinh các công trình, trụ sở hoàn thành, chủ đầu tư dự án đã nghiệm thu, bàn giao cho đơn vị sử dụng (Các đơn vị chủ đầu tư, đơn vị giám sát, đơn vị thi công và đơn vị nhận tài sản thực hiện nghiệm thu công trình lập Biên bản bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng theo Luật Xây dựng). Mặc dù không quy định đối tượng thụ hưởng trong quyết định phê duyệt dự án nhưng trong tên dự án đã có đối tượng thụ hưởng (ví dụ như: Dự án xây dựng Trung tâm y tế thành phố Hạ Long, Dự án xây dựng Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Quảng Ninh, Dự án xây dựng Trường Cao đẳng nghề Việt - Hàn tại Quảng Ninh...). Đơn vị nhận bàn giao đã căn cứ giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Biên bản nghiệm thu bàn giao để theo dõi, hạch toán tài sản, giá trị tài sản trên sổ sách kế toán và hàng năm đã báo cáo cho Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính để công khai tình hình quản lý, theo dõi tài sản công trên Phần mềm theo dõi tài sản công theo Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính. Theo quy định, các công trình, trụ sở nêu trên chưa có Quyết định của cấp có thẩm quyền điều chuyển, giao tài sản cho đơn vị tiếp nhận để quản lý, sử dụng, tuy nhiên trên thực tế, tài sản sau đầu tư là các công trình, trụ sở nêu trên đã được các đơn vị theo dõi, hạch toán, khấu hao theo quy định của Luật Quản lý và sử dụng tài sản công (*Quảng Ninh*).

Tại khoản 2 Điều 17 quy định “2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.”

Tại điểm c khoản 1 Điều 18 quy định: “c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước có tài sản bị thu hồi thực hiện bàn giao đầy đủ tài sản và các hồ sơ có liên

Đề nghị sửa lại điểm c khoản 1 Điều 18 như sau “.....cơ quan nhà nước có tài sản bị thu hồi thực hiện bàn giao đầy đủ tài sản và các hồ sơ có liên quan đến tài sản cho cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản thu hồi hoặc bàn giao cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công để quản lý tài sản thu hồi.

Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền giao trách nhiệm quản lý tài sản thu hồi cho cơ quan được giao thực

Đề nghị cho giữ như dự thảo để phù hợp với quy định tại Luật.

<p>quan đến tài sản cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, cụ thể như sau:</p> <p>....Bàn giao cho Sở Tài chính đối với tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định thu hồi;</p> <p>Bàn giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện đối với tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định thu hồi.”</p>	<p>hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thì thực hiện theo nguyên tắc sau:</p> <p>Bàn giao cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định thu hồi;</p> <p>Bàn giao cho Sở Tài chính đối với tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định thu hồi;</p> <p>Bàn giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện đối với tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định thu hồi.</p> <p>Lý do: Việc quy định tài sản sau khi thu hồi chỉ thực hiện bàn giao cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (Sở Tài chính và Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện) tại điểm c khoản 1 Điều 18 là chưa phù hợp với thực tiễn đối với các trường hợp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản (do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định) thuộc các sở, ngành cấp tỉnh hoặc các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện khi thu hồi tài sản công của các đơn vị trực thuộc quản lý. (Thái Bình)</p>	
<p>Bổ sung nội dung để xác định tài sản các nhà thuốc tại các bệnh viện là tài sản phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của đơn vị.</p>	<p>Tại khoản 1 Điều 41b Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, được bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung làm rõ thêm đối với loại tài sản là các nhà thuốc tại bệnh viện là tài sản phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị hay tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Lý do: Tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 41b chưa quy định cụ thể đối với loại tài sản trên, trong khi thực tiễn cho thấy hạng mục nhà thuốc tại các bệnh viện là hạng mục thường xuyên được các đơn vị sử dụng khai thác hoặc cho thuê..v.v. Việc quy định cụ thể tại Nghị định của Chính phủ sẽ tạo hành lang pháp lý rõ ràng</p>	<p>Tại điểm b khoản 1 Điều 41b đã quy định tài sản phục vụ phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trong lĩnh vực y tế gồm có: “giới thiệu, trưng bày, kinh doanh, cung cấp các sản phẩm trong lĩnh vực y tế”. Như vậy, nhà thuốc tại các bệnh viện là tài sản phục vụ phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và có thể thực hiện hoặc khai thác theo quy định tại</p>

	để các đơn vị thực hiện đảm bảo theo đúng quy định. (Nghệ An)	Nghị định này.
	Đề nghị rà soát quy định về bán tài sản công là trụ sở làm việc tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP để phù hợp với khoản 3 Điều 5 dự thảo Luật sửa đổi bổ sung Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ QG (Thanh tra Chính phủ)	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.
Bổ sung hình thức xử lý đối với tài sản là vật tiêu hao tại nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 151/2017/NĐ-CP	Đề nghị bổ sung việc bán, điều chuyển đối với vật tiêu hao, do thực tế có phát sinh trường hợp cần điều chuyển thuộc, hóa chất từ đơn vị A sang đơn vị B để sử dụng hoặc vật tiêu hao gần hết hạn sử dụng có thể xử lý bán để tận thu nhưng lại thiếu căn cứ pháp lý để thực hiện. (Hải Phòng)	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.
Sửa đổi quy định tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ	Đề nghị có quy định rõ về thẩm quyền xử lý tài sản tại Văn phòng Tỉnh ủy (Nghị định hiện đang quy định với các đơn vị dự toán thuộc Văn phòng Tỉnh ủy, chưa cụ thể quy định với Văn phòng Tỉnh ủy thì thực hiện như thế nào?) (Hải Phòng)	Ghi nhận để báo cáo cấp có thẩm quyền khi sửa đổi, bổ sung Nghị định số 165/2017/NĐ-CP.
	Đề nghị có quy định rõ về tài sản được hình thành theo khoản 1 Điều 3 là: “1. Tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước.” Thì việc xử lý đối với các tài sản này thực hiện theo các quy định, thẩm quyền tại Nghị định 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ, hiện nay, có một số đơn vị thuộc Đảng khi xử lý tài sản vẫn căn cứ vào nguồn gốc mua sắm từ ngân sách nhà nước và đề xuất việc xử lý thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là chưa thực sự phù hợp (trừ Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện). (Hải Phòng)	
Sửa đổi quy định tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ	Đề nghị bổ sung việc thay thế việc phân cấp thành quy định thẩm quyền trong xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ. (Hải Phòng)	Rà soát, hoàn thiện quy định về thẩm quyền để phù hợp với Luật số 56/2024/QH15

<p>Sửa đổi khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ</p>	<p>Đề nghị bỏ nội dung “<i>Riêng tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán</i>” tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ để phù hợp với quy định tại Điều 22 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (đã được sửa đổi tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ). <i>(Khánh Hoà)</i></p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.</p>
<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 28 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (đã được sửa đổi tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ)</p>	<p>Đề nghị điều chỉnh nội dung khoản 2 Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP thành “2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định này” để phù hợp với quy định tại Điều 28 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (đã được sửa đổi tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ). Điều 28 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (đã được sửa đổi tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ) <i>(Khánh Hoà)</i>.</p>	<p>Tiếp thảo, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng quy định cụ thể và tăng cường phân cấp, phân quyền cho ĐVSNCL.</p>
<p>Tại khoản 4 Điều 74 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (được sửa đổi tại khoản 51 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024), Chính phủ quy định:</p> <p><i>“Trường hợp phát sinh nhu cầu mua sắm tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung ngoài dự toán được giao đầu năm và đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán mua sắm mà đã hết thời hạn tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung, cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm xem xét, quyết định giao cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu về tài sản tổ chức thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu”.</i></p>	<p>Theo Luật Ngân sách nhà nước thì các đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên không được bổ sung dự toán để thực hiện việc mua sắm tài sản; Trường hợp, các đơn vị này phát sinh nhu cầu mua sắm tài sản (sử dụng nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để mua sắm) thuộc danh mục mua sắm tập trung ngoài thời hạn tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung tài sản thì được thực hiện như thế nào. Đề nghị bổ sung hướng dẫn thực hiện nội dung này <i>(Khánh Hoà)</i>.</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.</p>

<p>Sửa đổi khoản 14 Điều 1 và điểm 1a khoản 16 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP</p>	<p>Hiện tại dự thảo Luật sửa đổi đã sửa đổi quy định về bán tài sản công, theo đó, hình thức bán không được áp dụng đối với tài sản là đất, nhà, tài sản gắn liền với đất. Tuy nhiên, tại dự thảo xin ý kiến sửa đổi Nghị định hiện nay của Bộ Tài chính chưa sửa đổi khoản 14 Điều 1 và điểm 1a khoản 16 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP, còn quy định thẩm quyền quyết định bán trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương sau khi có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản bán và lập phương án đấu giá trụ sở làm việc như trên. Do đó, đề nghị xem xét sửa đổi cho phù hợp với dự thảo Luật sửa đổi. <i>(Bắc Giang)</i></p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định</p>
<p>Tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ (sửa đổi điều 42 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ):</p>	<p>Đề nghị sửa đổi khoản 38 Điều 1 để phù hợp với Luật Đất đai đối với đất do đơn vị sự nghiệp công lập đang sử dụng mà có nhu cầu cho thuê, liên doanh, liên kết. <i>(Quảng Trị)</i></p>	<p>Đề nghị cho giữ như dự thảo đề xử lý cho các trường hợp đã được cho thuê đất trước ngày Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành.</p>
<p><i>"2. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai mà tiền thuê đất đã nộp, tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả bằng tiền không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận thì được phép sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định này. Trường hợp sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn thì còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai.</i></p> <p><i>Tiền thuê đất đã nộp, tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả được xác định là có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trong các trường hợp sau:</i></p> <p><i>a) Nhà nước cấp tiền từ ngân sách nhà nước để</i></p>		

	<p>nộp tiền thuê đất, trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.</p> <p>b) Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để nộp tiền thuê đất, trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.</p> <p>c) Đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần và được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê.</p> <p>d) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nguồn khác để nộp tiền thuê đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng sau đó sử dụng các nguồn quy định tại điểm a, điểm b khoản này để hoàn trả.”</p>		
	<p>Phân biệt tài sản công, vật tiêu hao là tài sản công với hàng hoá không phải tài sản công.</p>	<p>Tại Khoản 1 Điều 3a Nghị định số 114/2024/NĐ-CP quy định “Vật tiêu hao” là nguyên nhiên liệu, thuốc, sinh phẩm, vật tư, vật liệu, văn phòng phẩm và các vật khác khi đã qua một lần sử dụng thì mất đi hoặc không giữ được tính chất, hình dáng và tính năng sử dụng ban đầu. Khoản 2 Điều 3a Nghị định số 114/2024/NĐ-CP quy định thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao.</p> <p>Tại Khoản 17 Điều 4 Luật Đấu thầu đã giải thích từ ngữ “Hàng hóa” gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại. Khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa.</p> <p>Theo giải thích từ ngữ nêu trên thì trong khái niệm hàng hoá bao gồm tài sản, vật tiêu hao do đó các địa phương gặp khó khăn trong quá trình thực hiện. Để thống nhất trong quá trình thực hiện đề nghị cơ quan soạn thảo cần quy định để phân biệt tài sản công, vật tiêu hao và hàng hoá để các địa phương căn cứ thực hiện. (Bắc Ninh)</p>	<p>Tại Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP đã quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Theo đó, cứ tài sản (bao gồm cả máy móc, thiết bị, vật tiêu hao,...) do các cơ quan, đơn vị của Nhà nước đầu tư, mua sắm thì đều là tài sản công và phải áp dụng thẩm quyền quyết định mua sắm theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</p>
<p>Chương XII. Khai thác kho số phục vụ quản lý</p>		<p>Sửa đổi toàn bộ cụm từ “kho số phục vụ quản lý nhà nước”</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.</p>

nhà nước	<p>thành “kho số viễn thông và kho số khác phục vụ quản lý nhà nước”. Lý do: Luật Viễn thông đã quy định về kho số viễn thông; kho số viễn thông phục vụ quản lý nhà nước chỉ là 1 phần trong kho số viễn thông dẫn đến quy định hiện hành bị thiết tài sản công là kho số viễn thông để kinh doanh, cung cấp dịch vụ (<i>Cục Viễn thông</i>)</p>	
	<p>Sửa tên Điều 106 thành “Khai thác nguồn lực tài chính từ tài nguyên viễn thông và kho số khác phục vụ quản lý nhà nước” (<i>Cục Viễn thông</i>)</p>	<p>Theo Luật Viễn thông thì tài nguyên viễn thông bao gồm kho số viễn thông, tài nguyên internet, phổ tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh thuộc quyền quản lý của Việt Nam. Tuy nhiên chương này chỉ quy định cho việc quản lý các loại tài sản công là kho số; đối với các loại tài nguyên khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên. Vì vậy, đề nghị cho giữ như quy định hiện hành.</p>
	<p>Sửa đổi khoản 2 Điều 106 thành “Thu tiền trúng đấu giá đối với tài nguyên viễn thông quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 50 Luật Viễn thông” và bãi bỏ Điều 107 để phù hợp với Luật Viễn thông (<i>Cục Viễn Thông</i>)</p>	<p>Quy định tại Điều này này không chỉ áp dụng cho kho số viễn thông; vì vậy, đề nghị cho giữ như quy định hiện hành để có căn cứ pháp lý áp dụng cho các loại kho số khác. Đối với việc đấu giá quyền sử dụng một số loại tài nguyên kho số viễn thông theo quy định của Luật Viễn thông thì tiếp thu, bổ sung điểm 2a tại Điều 106: “Thu tiền cấp quyền sử dụng mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông.”</p>
	<p>Đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền, quy trình, thủ tục xử lý tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các tổ chức chính trị - xã hội khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại theo hình thức bàn giao</p>	<p>Tại Điều 56 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại ĐVSNCL thuộc tổ chức chính trị</p>

		<p>nguyên trạng tài sản của đơn vị về địa phương quản lý (<i>TW ĐTNCSHCM</i>)</p>	<p>xã hội thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương III của Luật và quy định tại Chương III Nghị định này. Tại Chương III Nghị định 151/2017/NĐ-CP đã có quy định về việc xử lý tài sản tại ĐVSNCL trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động.</p>
--	--	---	---

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4477** /BHXH-TCKT

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2024

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

CỤC QUẢN LÝ CÔNG SẢN	
ĐẾN Số: 2022	
Ngày: 09-12-2024	
Chuyên: VP	
Số và ký hiệu HS:.....	Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhận được Công văn số 12750/BTC-QLCS ngày

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN Số: 0110164	
Ngày: 06-12-2024	
Chuyên:.....	QLCS
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính /

Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhận được Công văn số 12750/BTC-QLCS ngày 22/11/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Sau khi nghiên cứu, Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhất trí với dự thảo Nghị định kèm theo Công văn số 12750/BTC-QLCS.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Hùng Sơn

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

Số: 2523/TTCP-V. II

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2024

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

CỤC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG	
ĐẾN Số: 19972	
Ngày: 05-12-2024	
Chuyên: VP	
Số và ký hiệu HS: VP	

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN Số: 109.135.107	
Ngày: 05-12-2024	
Chuyên: Cục QLCS	
Số và ký hiệu HS: VP	

Văn bản số 12750/BTC-QLCS ngày 22/11/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Thanh tra Chính phủ có ý kiến như sau:

Theo khoản 3 Điều 5 dự thảo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật xử phạm vi phạm hành chính quy định "3. Bán. Hình thức bán không được áp dụng đối với tài sản công là đất, tài sản gắn liền với đất, trừ đất, tài sản gắn liền với đất của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và các trường hợp được bán theo quy định của Luật khác". Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính rà soát, quy định về việc bán tài sản công là trụ sở làm việc tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 114/2024/NĐ-CP để xem xét, sửa đổi cho phù hợp.

Tại khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, cân nhắc để chỉnh sửa một số cụm từ: điểm g4 "trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất" chỉnh sửa thành "trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất"; điểm g5 "tài sản gắn liền với đất" chỉnh sửa thành "tài sản trên đất".

Các nội dung khác, Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền thực hiện rà soát, tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, cơ quan có liên quan, hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ theo quy định.

Thanh tra Chính phủ trân trọng phúc đáp. / s

Nơi nhận: Wau

- Như trên;
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Bùi Ngọc Lam;
- Lưu: VT, Vụ II.

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA



Bùi Ngọc Lam

Figure 1: A diagram showing a sequence of five rectangular blocks arranged horizontally. Each block contains a small, illegible symbol or character. The blocks are connected by thin lines, suggesting a flow or sequence.

Figure 2: A diagram showing a sequence of five rectangular blocks arranged horizontally. Each block contains a small, illegible symbol or character. The blocks are connected by thin lines, suggesting a flow or sequence.

Figure 3: A diagram showing a sequence of five rectangular blocks arranged horizontally. Each block contains a small, illegible symbol or character. The blocks are connected by thin lines, suggesting a flow or sequence.

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **5347** /BQP-TC

Hà Nội, ngày **04** tháng **12** năm 2024

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

CỤC QUẢN LÝ CÔNG SẢN	
ĐẾN Số: 2030	
Ngày: 06-12-2024	
Chuyên: VP	
Số và ký hiệu HS: Phúc	

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN Số: 109390	
Ngày: 05-12-2024	
Chuyên: Cục QLCS (2b)	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 12750/BTC-QLCS ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Sau khi nghiên cứu, Bộ Quốc phòng cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định và có ý kiến như sau:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại nội dung viện dẫn tại khoản 1 Điều 1 trang 2 dự thảo Nghị định "*Thẩm quyền, trình tự thủ tục xử lý tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền theo các hình thức quy định tại điểm e khoản 4 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác*". Lý do: Khoản 4 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ, không có điểm e.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Đ/c Thứ trưởng Vũ Hải Sản;
- Cục QLCS/BTC;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- C23, C31, C41, C51, C54, C64;
- C20 (Kiểm toán BQP)
- Lưu: VT, **PC**.



Thượng tướng Lê Huy Vịnh

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100 100 100 100 100

100

100

100

100

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5166/BTTTT-KHTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Thông tin và Truyền thông nhận được Công văn số 12750/BTC-QLCS ngày 22/11/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Sau khi nghiên cứu, Bộ Thông tin và Truyền thông nhất trí với dự thảo Nghị định nêu trên và không có ý kiến khác.

Trân trọng./. uu

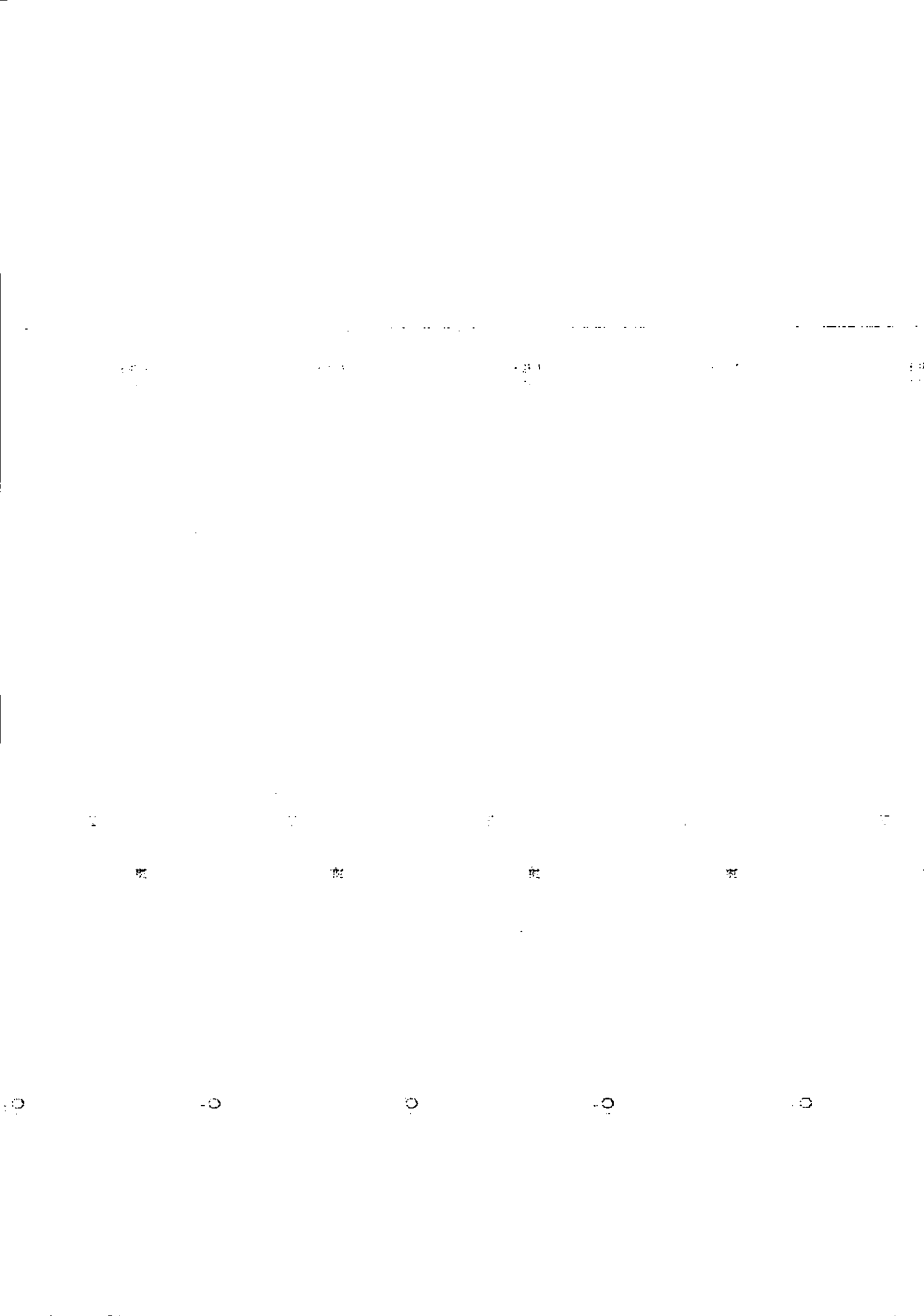
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Bùi Hoàng Phương;
- Lưu VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Hoàng Phương



**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: 9067 /BNN-TC

V/v tham gia ý kiến ý kiến về dự thảo
Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ
sung một số điều của các Nghị định quy
định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024

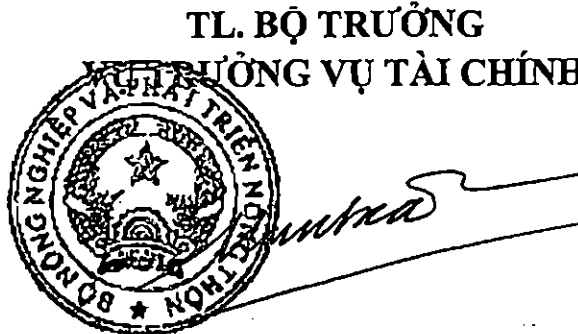
Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc đáp văn bản số 12750/BTC-QLCS ngày 22/11/2024 của Bộ Tài
chính về việc lấy ý kiến đối với nội dung nêu trên, sau khi nghiên cứu hồ sơ gửi
kèm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến thống nhất với các dự
thảo do Bộ Tài chính xây dựng.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
đề nghị quý Bộ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Hoàng Trung (để b/c);
- Cục QLCS (Bộ Tài chính);
- Lưu VT, TC.



Nguyễn Văn Hà